DANH MỤC TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM

Phụ lục 1	:	**- Biên bản Hội nghị họp ngày 15/11/2019:** Phổ biến chế độ, chính sách cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương, kèm theo danh sách người lao động (NLĐ), bao gồm: + NLĐ Đăng ký mua ưu đãi cổ phần theo số năm làm việc tại khu vực nhà nước (100 cổ phần/năm làm việc tại khu vực nhà nước) + NLĐ Đăng ký mua ưu đãi cổ phần theo số năm cam kết làm việc tại Công ty cổ phần (200 cổ phần/năm cam kết) + NLĐ Là chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao đăng ký mua ưu đãi cổ phần theo số năm cam kết làm việc tại Công ty cổ phần (500 cổ phần/năm cam kết). **- Biên bản Hội nghị họp ngày 05/03/2020:** Thông qua dự thảo phương án cổ phần hóa; Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty cổ phần Giống gia súc Hải Dương.
Phụ lục 2	:	Dự thảo Điều lệ của Công ty cổ phần Giống gia súc Hải Dương
Phụ lục 3	:	Phương án sử dụng lao động

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:5048/QĐ-UBND	*Hải Dương, ngày 10 tháng 12 năm 2004*

QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH HẢI DƯƠNG

V/v Phê duyệt phương án bồi thường, giá thuê đất khi thu hồi đất cho Trung tâm Giống gia súc Hải Dương thuê

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
- Căn cứ Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ qui định về việc đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng;
- Xét đề nghị của Sở Tài Chính tại tờ trình số 2833/TT-TC/QLGCS ngày 09/12/2004;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt phương án bồi thường và giá thuê đất khi thu hồi đất do các hộ gia đình và UBND xã Cẩm Định, huyện Cẩm Giàng, Xí nghiệp Giống cây trồng Cẩm Giàng đang quản lý, giao cho Trung tâm Giống gia súc Hải Dương thuê để xây dựng Trại lợn giống ngoại ông, bà qui mô 200 con *(Quyết định giao đất số 3465/QĐ-UBND ngày 01/9/2004 của UBND tỉnh)* như sau:

I. Phương án bồi thường:

1- Bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất cho các hộ gia đình xã Cẩm Định là 249.051.000 đồng*(Hai trăm bốn chín triệu, không trăm năm mốt ngàn đồng chẵn)*

2- Bồi thường, hỗ trợ đất công điền (9.479,2 m^2) cho UBND xã Cẩm Định là 195.374 .000 đồng (*Một trăm chín lăm triệu, ba trăm bẩy tư ngàn đồng chẵn).*

3- Bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất cho Xí nghiệp Giống cây trồng Cẩm Giàng thuộc Công ty Giống cây trồng Hải Dương là 12.164.000 đồng*(Mười hai triệu, một trăm sáu tư ngàn đồng chẵn)*

4- Bồi thường đất nông nghiệp (36.174,5 m^2) do Công ty Giống cây trồng Hải Dương đang quản lý là là 795.839.000 đồng (*Bẩy trăm chín lăm triệu, tám trăm ba chín ngàn đồng chẵn).*

5- Chi phí phục vụ công tác GPMB : 18.000.000 đồng

Tổng cộng I(1+2+...+5) : 1.270.428.000 đồng

(Một tỷ, hai trăm bẩy mươi triệu, bốn trăm hai tám ngàn đồng chẵn)

II. Giá thuê đất:

Đất cho Trung tâm Giống gia súc Hải Dương thuê thuộc xã Cẩm Đinh, huyện Cẩm Giàng. Giá trị đất cho thuê(43.702,25 m^2) là 10.925.550.000 đồng; Hệ số ngành nghề: 0,005 ; Hệ số điều chỉnh giá: 1,0.

Mức tiền thuê đất một năm là 54.628.000 đồng/ năm

(Năm tư triệu, sáu trăm hai tám ngàn đồng một năm)

Điều 2: Trung tâm Giống gia súc Hải Dương có trách nhiệm thanh toán chi trả số tiền bồi thường, ký hợp đồng và nộp tiền thuê đất theo qui định hiện hành của Nhà nước. Số tiền bồi thường ghi tại điều 1.4 nộp ngân sách tỉnh.

UBND xã Cẩm Định có trách nhiệm quản lý, sử dụng số tiền bồi thường theo đúng chế độ quản lý tài chính hiện hành.

Sở Tài Chính phối hợp cùng các ngành, đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra và giám sát việc thực hiện .

Điều 3: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục thuế tỉnh, Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan, Chủ tịch UBND huyện Cẩm Giàng, Chủ tịch UBND xã Cẩm Định, Giám đốc Công ty Giống cây trồng Hải Dương, Giám đốc Trung tâm Giống gia súc Hải Dương căn cứ quyết định thi hành./.

T/M UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH
K/T CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Hồng Văn

Nơi nhận:
- Chủ tịch UBND tỉnh(để b/c);
- Như điều 3;
- Lưu VP, QHải.

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1273./QĐ-UBND	*Hải Dương, ngày 31 tháng 7 năm 2007*

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng
Trụ sở làm việc Trung tâm giống gia súc Hải Dương

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật tổ chức HĐND & UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính Phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3978/2005/QĐ-UBND ngày 08/9/2005 của UBND tỉnh Hải Dương về việc Quy định phân cấp quản lý trong các lĩnh vực: Quy hoạch xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

Xét đề nghị của phòng Quản lý đô thị thành phố tại Tờ trình số 20/TTr-QLĐT ngày 26/7/2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Trụ sở làm việc Trung tâm giống gia súc Hải Dương (*kèm theo hồ sơ quy hoạch tỷ lệ 1/400 do Công ty Cổ phần tư vấn quy hoạch và thiết kế xây dựng Hải Dương lập, phòng Quản lý đô thị thẩm định*) với các nội dung chính như sau:

1.1. Hồ sơ bản vẽ (07 bộ) **gồm:**

+ Bản đồ hiện trạng
+ Bản đồ quy hoạch mặt bằng tổng thể
+ Bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật
+ Thuyết minh

1.2. Nội dung quy hoạch:

1.2.1. Vị trí: Khu đất quy hoạch xây dựng được lập trên diện tích đất hiện trạng của Trung tâm giống gia súc Hải Dương đang sử dụng thuộc địa bàn xã Tứ Minh, với vị trí xác định như sau:

+ Phía Bắc giáp đường gom QL5

+ Phía Nam giáp khu dân cư

+ Phía Đông giáp đường giao thông khu dân cư

+ Phía Tây giáp bến xe phía Tây thành phố

1.2.2. Quy mô: Tổng diện tích mặt bằng quy hoạch: 2.341,4m2

** Cơ cấu sử dụng đất:*

STT	Loại đất	Diện tích (*m2*)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng công trình	617,7	26,4
2	Đất sân bãi, đường giao thông	1.296	55,4
3	Đất cây xanh	427,7	18,2
Tổng:		**2.341,4**	**100**

Tầng cao trung bình: 2 tầng

Hệ số sử dụng đất: 0,42

1.2.3. Hệ thống kỹ thuật hạ tầng:

+ San nền: Phải phù hợp với cao độ khu vực xung quanh.

+ Giao thông: Quy hoạch các tuyến đường trên cơ sở hiện trạng và phù hợp với quy hoạch chung của thành phố.

+ Cấp nước: Sử dụng hệ thống cấp nước hiện có để cấp cho các công trình.

+ Thoát nước: Nước mặt của sân, đường nội bộ và nước thải được thu gom thoát vào hệ thống thoát nước chung của thành phố đã xây dựng trên đường gom QL5.

+ Hệ thống cấp điện: Nguồn cấp lấy từ hệ thống điện hiện có

1.3. Kinh phí lập quy hoạch: 8.182.000 đồng

(Bằng chữ: *Tám triệu, một trăm tám mươi hai ngàn đồng*)

Trong đó:

+ Chi phí khảo sát đo đạc, lập quy hoạch: 6.443.000 đồng

+ Chi phí thẩm định quy hoạch: 527.000 đồng

+ Chi phí quản lý quy hoạch: 212.000 đồng

+ Chi phí đưa mốc giới ra ngoài thực địa: 1.000.000 đồng

1.4. Các vấn đề khác:

- Sau khi hồ sơ quy hoạch được phê duyệt, chủ đầu tư có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa.

- Quá trình đầu tư xây dựng phải phù hợp với quy hoạch và hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật của khu vực xung quanh.

Điều 2. Giao các phòng: Quản lý đô thị, Tài nguyên &Môi trường; UBND xã Tứ Minh căn cứ quy hoạch được duyệt, thực hiện việc quản lý quy hoạch theo quy định.

Điều 3. Các ông (*bà*): Chánh Văn phòng HĐND&UBND thành phố; Trưởng các phòng: Quản lý đô thị, Tài nguyên & Môi trường; Chủ tịch UBND xã Tứ Minh; Giám đốc Trung tâm giống gia súc Hải Dương; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành ./.

***Nơi nhận*:**
- Như điều 3;
- Lưu VP.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Thăm

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG CÔNG TY TNHH MTV GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG ***	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hải Dương, ngày 15 tháng 11 năm 2019

BIÊN BẢN CUỘC HỌP TUYÊN TRUYỀN CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI CÔNG TY TNHH MTV GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG

Thời gian: Lúc 8 giờ 0' ngày 15 tháng 11 năm 2019
Địa điểm: tại Văn phòng Công ty TNHH MTV giống gia súc Hải Dương
Thành phần tham dự:
1. Đại diện Sở lao động thương binh và Xã hội tỉnh Hải Dương
Bà : Nguyễn Thị Thu Thủy - Trưởng phòng LĐ tiền lương & BHXH
2. Đại diện Bảo hiểm xã hội thành phố Hải Dương
Ông: Vũ Mạnh Thắng - Phó giám đốc BHXH TP.
3. Đại diện Sở tài chính Hải Dương
Bà: Phạm Thị Trinh - Chuyên viên
4. Đại diện Liên đoàn lao động tỉnh Hải Dương
Ông Phạm Dũng - Chuyên viên
5. Đại diện Công ty TNHH MTV giống gia súc Hải Dương
Ông Đinh Xuân Bình - Giám đốc
Và tập thể 22 người lao động tham dự hội nghị đầy đủ.
Thư ký cuộc họp: Đ/c Trương Thị Hạ - Phòng hành chính.

Nội dung cuộc họp.

1. Đồng chí Đinh Xuân Bình - Giám đốc khai mạc cuộc họp.

Căn cứ Quyết định số 2631/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch tiến độ cổ phần hóa Công ty TNHH MTV giống gia súc Hải Dương.

Công ty TNHH MTV giống gia súc Hải Dương mời các Quý cơ quan đến dự hội nghị tuyên truyền chế độ chính sách cho người lao động khi cổ phần hóa Công ty nhà nước.

2. Đồng chí : Nguyễn Thị Thu Thủy - Trưởng phòng LĐ tiền lương & BHXH

Tuyên truyền tiền lương, thời điểm chốt giá trị doanh nghiệp của công ty, xác minh hồ sơ người lao động, lập danh sách người lao động.

- Lập danh sách người lao động mua cổ phần ưu đãi: mua 60% mệnh giá 10.000 đ/cp, mỗi năm người lao động làm việc thực tế trong khu vực nhà nước: 100 cổ phần.
- Người lao động phải cam kết 3 năm sau khi mua cổ phần mới được chuyển nhượng sang cho người khác theo nghị 126/2017/NĐ-CP, ngày 16/11/2017.
- Khuyến khích có chuyên gia.
- Công ty trình phương án dôi dư lao động.

3. Đồng chí: Vũ Mạnh Thắng - Phó giám đốc Bảo hiểm xã hội TP Hải Dương.

+ Bảo hiểm xã hội TP Hải Dương đã chốt hết danh sách cho người lao động 31/12/2018 đầy đủ.

+ Công ty dà soát đối tượng lao động dôi dư.

+ Các chế độ đóng BHXH theo quy định.

Các ý kiến tham gia :

1. Đ/c Nga: Nếu người lao động nghỉ việc rồi có được mua cổ phần ưu đãi hay không ?

2. Đ/c Hạ: Nếu người lao động về trong đối tượng dôi dư tại công ty thì phần kinh phí chi trả lấy ở đâu ?

Đ/c Thủy, Đ/c Thắng, Đ/c Trinh tiếp thu giải đáp các ý kiến của người lao động trước hội nghị đầy đủ và đề nghị thêm nếu có ý kiến bổ sung trong cuộc họp này đề nghị người lao động gửi văn bản hoặc lên gặp trực tiếp để giải đáp khi chế độ người lao động chưa rõ.

Biên bản cuộc họp, được lập vào lúc 11 giờ 30' cùng ngày, sau khi được thư ký cuộc họp đọc lại cho tất cả hội nghị dự họp cùng nghe và nhất trí, không có ý kiến gì khác.

Chủ trì cuộc họp	**Thư ký cuộc họp**
Giám đốc: Đinh Xuân Bình	**Trương Thị Hạ**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG **CÔNG TY TNHH MTV GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG** ***	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	Hải Dương, ngày 05 tháng 03 năm 2020

BIÊN BẢN CUỘC HỌP PHỔ BIẾN PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA; ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CP GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG

Thời gian: Lúc 14 giờ 0' ngày 05 tháng 03 năm 2020

Địa điểm: tại Văn phòng Công ty TNHH MTV giống gia súc Hải Dương

Chủ trì cuộc họp:

Ông Đinh Xuân Bình - Giám đốc Công ty

Và tập thể 08 người lao động tham dự hội nghị đầy đủ.

Thư ký cuộc họp: Đ/c Trương Thị Hạ - Phòng hành chính.

Nội dung cuộc họp.

Căn cứ Quyết định số 2631/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch tiến độ cổ phần hóa Công ty TNHH MTV giống gia súc Hải Dương.

Căn cứ vào cuộc họp ngày 15/11/2019 Công ty TNHH MTV giống gia súc Hải Dương đã mời các Quý cơ quan đến dự hội nghị tuyên truyền chế độ chính sách cho người lao động khi cổ phần hóa Công ty nhà nước.

Đồng chí Đinh Xuân Bình - Giám đốc triển khai phổ biến phương án cổ phần hóa; Phương án sử dụng lao động; Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty CP giống gia súc Hải Dương.

Các nội dung công việc của Công ty đã được các Sở, Ban ngành dà soát tiến độ cổ phần hóa Công ty và cùng Công ty CP chứng khoán Quốc Tế Hoàng Gia (IRS) tư vấn.

Đồng chí tuyên truyền thời điểm chốt giá trị doanh nghiệp của công ty, xác minh hồ sơ người lao động, lập danh sách người lao động.

- Lập danh sách người lao động mua cổ phần ưu đãi: mua 60% mệnh giá 10.000 đ/cp, mỗi năm người lao động làm việc thực tế trong khu vực nhà nước: 100 cổ phần.

- Người lao động phải cam kết 3 năm sau khi mua cổ phần mới được chuyển nhượng sang cho người khác theo nghị 126/2017/NĐ-CP, ngày 16/11/2017.

- Công ty trình phương án dôi dư lao động.

2. Các ý kiến tham gia :

①. Đ/c Nga: Chúng tôi chưa hiểu CPHDN giải thích cụ thể cho chúng tôi hiểu?

②. Đ/c Quý: Tất cả người lao động tại công ty còn chưa hiểu hết được CPHDN nên giải thích cho mọi người được biết?

Đ/c Bình đã tiếp thu và giải đáp các ý kiến của người lao động trước cuộc họp và đề nghị nếu có ý kiến bổ sung trong cuộc họp này đề nghị người lao động gửi văn bản hoặc lên gặp trực tiếp để giải đáp khi chế độ người lao động chưa rõ.

Biên bản cuộc họp, được lập vào lúc 15 giờ 30' cùng ngày, sau khi được thư ký cuộc họp đọc lại cho tất cả hội nghị dự họp cùng nghe và nhất trí, không có ý kiến gì khác.

Chủ trì cuộc họp	Thư ký cuộc họp
Giám đốc: Đinh Xuân Bình	Trương Thị Hạ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG

Hải Dương, năm 2020

MỤC LỤC

Chương I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG 5
Điều 1. Định nghĩa và giải thích 5
Điều 2. Tên gọi, hình thức, địa chỉ trụ sở và thời gian hoạt động của Công ty ... 6
Điều 3. Mục tiêu và nguyên tắc hoạt động của Công ty 7
Điều 4. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty 7
Điều 5. Các tổ chức chính trị và tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty. 8
Chương II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG 8
Điều 6. Vốn điều lệ 8
Điều 7. Tăng, giảm vốn điều lệ 8
Điều 8. Quản lý vốn Nhà nước tại Công ty 8
Điều 9. Cổ phiếu 9
Điều 10. Sổ đăng ký cổ đông 9
Điều 11. Chào bán cổ phần 10
Điều 12. Bán cổ phần 10
Điều 13. Chuyển nhượng cổ phần 10
Điều 14. Thừa kế cổ phần 11
Điều 15. Phát hành trái phiếu 12
Điều 16. Mua lại cổ phần, trái phiếu 12
Điều 17. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông 12
Điều 18. Mua lại cổ phần theo quyết định của công ty 12
Điều 19. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại 13
Điều 20. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức 14
Điều 21. Quyền của cổ đông phổ thông 14
Điều 22. Nghĩa vụ các cổ đông 15
Điều 23. Ủy quyền của cổ đông 16
Chương III: CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÔNG TY 16
MỤC 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC 16
Điều 24. Cơ cấu tổ chức quản lý 16
Điều 25. Người đại diện theo pháp luật của Công ty 17
Điều 26. Trách nhiệm của người quản lý công ty 17
Điều 27. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận 18
MỤC 2: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 18
Điều 28. Đại hội đồng cổ đông 18
Điều 29. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông 19
Điều 30. Danh sách cổ đôug có quyền dự họp 20
Điều 31. Chương trình và Nội dung họp Đại hội đồng cổ đông 21
Điều 32. Mời họp Đại hội đồng cổ đông 21

Điều 33. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông 22
Điều 34. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 22
Điều 35. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông 22
Điều 36. Hình thức thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 24
Điều 37. Điều kiện để nghị quyết được thông qua 24
Điều 38. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 25
Điều 39. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 27
Điều 40. Yêu cầu huỷ bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 27
Điều 41. Hiệu lực của các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 28
MỤC 3: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 28
Điều 42. Hội đồng quản trị 28
Điều 43. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị 29
Điều 44. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị 29
Điều 45. Chủ tịch Hội đồng quản trị 30
Điều 46. Cuộc họp của Hội đồng quản trị 32
Điều 47. Biên bản họp Hội đồng quản trị 33
Điều 48. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị 34
Điều 49. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 34
Mục 4: BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH CÔNG TY 34
Điều 50. Cơ cấu tổ chức điều hành công ty 34
Điều 51. Giám đốc. 35
Điều 52. Quyền và nghĩa vụ của Giám đốc 35
Điều 53. Phó Giám đốc 36
Điều 54. Kế toán trưởng Công ty 36
Mục 5: BAN KIỂM SOÁT 36
Điều 55. Ban kiểm soát 36
Điều 56. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên 37
Điều 57. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát 37
Điều 58. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát 38
Điều 59. Nghĩa vụ của Kiểm soát viên 38
Điều 60. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên 39
Chương IV: CĂN CỨ, PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ THƯỞNG CHO NGƯỜI QUẢN LÝ 39
Điều 61. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc. 39
Điều 62. Công khai các lợi ích liên quan 40
Điều 63. Tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên 41
Chương V: TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 41

Điều 64. Trình báo cáo hằng năm 41
Điều 65. Công khai thông tin về Công ty cổ phần 42
Điều 66. Thể lệ quyết toán, lập quỹ và trả cổ tức 42
Điều 67. Phân chia lợi nhuận 43
Điều 68. Xử lý lỗ trong kinh doanh 43
Điều 69. Chế độ lưu giữ tài liệu 43
Chương VI: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ **44**
Điều 70. Giải quyết tranh chấp nội bộ 44
Chương VII: TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY 44
Điều 71. Chấm dứt hoạt động 44
Điều 72. Các trường hợp và điều kiện giải thể công ty 44
Điều 73. Trình tự, thủ tục giải thể công ty 45
Điều 74. Giải thể công ty trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án 46
Điều 75. Các hoạt động bị cấm kể từ khi có quyết định giải thể 47
Điều 76. Phá sản công ty 47
Điều 77. Thanh lý 47
Chương VIII: HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC 47
Điều 78. Con dấu 47
Điều 79. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ 48
Điều 80. Hiệu lực thi hành 48
Điều 81. Điều khoản cuối cùng 48

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Điều lệ này quy định ràng buộc và chi phối toàn bộ quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chương I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Định nghĩa và giải thích

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) "*Công ty*" được hiểu là Công ty cổ phần Giống gia súc Hải Dương.

b) "*Luật Doanh nghiệp*" là Luật Doanh nghiệp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, số 68/2014/QH13, được Quốc Hội khóa XIII thông qua ngày 26/11/2014;

c) "*Vốn điều lệ*" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua và được ghi vào Điều lệ công ty.

d) "*Vốn có quyền biểu quyết*" là cổ phần mà người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

e) "*Cổ phần*" là các phần vốn góp có giá trị bằng nhau tạo thành vốn Điều lệ của Công ty.

f) "*Cổ phần phổ thông*" là phần vốn góp do cổ đông sở hữu, cho phép cổ đông sở hữu có các quyền theo quy định của Điều lệ này.

g) "*Cổ phiếu*" là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty.

h) "*Cổ đông*" là người sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của công ty và được ghi tên trong sổ đăng ký cổ đông của công ty.

i) "*Cổ đông sáng lập*" là cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty cổ phần.

j) "*Cổ tức*" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.

k) "*Người quản lý doanh nghiệp*" là thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch HĐQT, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ này.

l) *"Người đại diện theo ủy quyền"* là cá nhân được cổ đông uỷ quyền bằng văn bản thực hiện các quyền của mình tại Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

m) "*Người có liên quan*" là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với công ty thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 17 điều 4 Luật Doanh nghiệp.

n) "*Công ty mẹ*" là Công ty sở hữu trên 50% vốn điều lệ của Công ty cổ phần.

o) "*Việt Nam*" là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này bất kỳ một tham chiếu nào tới một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế cho chúng.

3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không làm ảnh hưởng tới cấu trúc của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (*nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh*) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Điều 2. Tên gọi, hình thức, địa chỉ trụ sở và thời gian hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

Tên tiếng Việt : **CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG**

Tên viết tắt: HD BREED CATTLE.,JSC

Tên tiếng Anh : HAI DUONG BREED CATTLE JOINT STOCK COMPANY

2. Trụ sở chính

Địa chỉ : Km 4+500 đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tứ Minh, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Điện thoại : 0220. 3890328

Email : gionggiasuchd@gmail.com

3. Phạm vi hoạt động:

Công ty cổ phần Giống gia súc Hải Dương hoạt động sản xuất kinh doanh trên phạm vi lãnh thổ nước Việt Nam.

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh, đơn vị trực thuộc, văn phòng đại diện trên lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài, để thực hiện các mục tiêu của công ty, phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và quy định của pháp luật.

5. Thời hạn hoạt động của Công ty được tính từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho đến khi Công ty chấm dứt hoạt động. Việc chấm dứt hoạt động của công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định hoặc theo quy định của pháp luật.

6. Hình thức tổ chức:

Công ty cổ phần Giống gia súc Hải Dương được thành lập trên cơ sở chuyển đổi Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương thành Công ty cổ phần, hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

7. Tư cách pháp nhân:

Công ty Cổ phần Giống gia súc Hải Dương có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, có con dấu riêng, được mở tài khoản tiền Việt Nam đồng và ngoại tệ tại Kho bạc nhà nước, các Ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Mục tiêu và nguyên tắc hoạt động của Công ty

1. Mục tiêu hoạt động: Sử dụng vốn có hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh; không ngừng phát triển các nguồn lực, cải tiến chất lượng, nâng cao năng lực cạnh tranh, nhằm thỏa mãn nhu cầu của khách hàng; cải thiện điều kiện làm việc, ổn định cuộc sống cho người lao động, bảo đảm lợi ích hợp pháp của các cổ đông và thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.
2. Nguyên tắc hoạt động: Hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật. Các cổ đông cùng góp vốn, cùng phân chia lợi nhuận, cùng chia sẻ trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính khác.

Điều 4. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty

1. Ngành nghề kinh doanh:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Chăn nuôi lợn Chi tiết: Chăn nuôi lợn đực giống, chăn nuôi lợn nái sinh sản, lợn thịt.	0145
2	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi Chi tiết: Sản xuất và cung ứng liều tinh dịch lợn, truyền tinh nhân tạo lợn, trâu, bò.	0162
3	Chế biến thức ăn gia súc gia cầm và thủy sản	1080
4	Hoạt động chuyên môn khoa học công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đào tạo, tập huấn, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật ngành chăn nuôi, thú y.	7490
5	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn con giống gia súc, gia cầm	4620

3. Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể thay đổi ngành, nghề kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận và được cơ quan đăng ký kinh doanh bổ sung vào hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, đăng tải trên hệ thống ĐKKD quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
4. Doanh nghiệp phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, đúng quy định của pháp luật và bảo đảm duy trì đủ điều kiện kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động.

Điều 5. Các tổ chức chính trị và tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty.

1. Các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong công ty hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức.
2. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo Điều lệ của tổ chức nhưng không ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh và lợi ích của các cổ đông công ty.

Chương II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

Điều 6. Vốn điều lệ

1. Vốn Điều lệ của Công ty Cổ phần Giống gia súc Hải Dương được góp bằng tiền Việt Nam hoặc tài sản hiện vật khác theo quy định của Pháp luật và được hạch toán theo đơn vị tiền tệ thống nhất là Việt Nam đồng (VNĐ).

   Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Giống gia súc Hải Dương là: **37.830.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi bảy tỷ, tám trăm ba mươi triệu đồng)**, trong đó:

   + Vốn góp của nhà nước là: 13.240.000.000 đồng, tương đương 35,00% vốn điều lệ;

   + Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác là: 24.590.000.000 đồng, tương đương 65,00% vốn điều lệ;

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần (*Bằng chữ: Mười nghìn đồng trên một cổ phần*);
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.

2. Công ty không đăng ký cổ đông sáng lập.

Điều 7. Tăng, giảm vốn điều lệ

1. Khi thấy cần thiết Đại hội đồng cổ đông công ty quyết định tăng vốn điều lệ trong các trường hợp: Tái đầu tư lợi nhuận, bổ sung vốn góp của các cổ đông, phát hành thêm cổ phiếu, gọi thêm các cổ đông mới hoặc các phương thức khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Đại hội cổ đông sẽ quyết định việc tăng vốn điều lệ công ty bao gồm mức vốn, hình thức và biện pháp tăng vốn theo quy định của pháp luật.
2. Việc giảm vốn điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định trong các trường hợp: Công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ; công ty mua lại cổ phần đã phát hành theo quy định tại Điều 18, Điều 19 Điều lệ này. Giảm vốn điều lệ chỉ được thực hiện trên cơ sở vốn còn lại của và phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty.

Điều 8. Quản lý vốn Nhà nước tại Công ty

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương là chủ sở hữu phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Giống gia súc Hải Dương.
2. Người đại diện chủ sở hữu quản lý vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Giống gia súc Hải Dương: Chủ tịch Hội đồng quản trị nắm giữ vốn thuộc sở hữu Nhà nước là 13.240.000.000 đồng, tương đương 35,00% vốn điều lệ;

3. Người quản lý phần vốn nhà nước tại Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông chi phối theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 9. Cổ phiếu

1. Toàn bộ cổ phiếu của công ty tại ngày thông qua Điều lệ này là cổ phiếu ghi danh. Cổ phiếu phải có đóng dấu của công ty, có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.
2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.
3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:

a) Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành mọi biện pháp để tìm kiếm và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu huỷ.

b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 10. Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty.

b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.

c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.

d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức.

e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của công ty.
4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

Điều 11. Chào bán cổ phần

1. Chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.
2. Chào bán cổ phần có thể được thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:

a) Chào bán cho các cổ đông hiện hữu.

b) Chào bán ra công chúng.

c) Chào bán cổ phần riêng lẻ.

3. Chào bán cổ phần ra công chúng, chào bán cổ phần của công ty cổ phần niêm yết và đại chúng thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.
4. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

Điều 12. Bán cổ phần

Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

1. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập.
2. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty.
3. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ các trường hợp hạn chế về chuyển nhượng cổ phần theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật. Trường hợp Điều lệ công ty có quy định hạn chế về chuyển nhượng cổ phần thì các quy định này chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng.
2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
3. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của công ty.

4. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.
5. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 9 của Điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.
6. Chuyển nhượng cổ phần của người lao động:

   + Cổ phần bán với giá ưu đãi cho người lao động cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước: Không được chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ thời điểm nộp tiền mua cổ phần ưu đãi. Hết thời hạn 03 năm, Cổ phần được tự do chuyển nhượng.

   + Cổ phần bán với giá ưu đãi cho người lao động thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu): Hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn cam kết. Số cổ phiếu người lao động mua theo cam kết được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau khi kết thúc thời gian cam kết. Trường hợp công ty cổ phần thực hiện thay đổi cơ cấu, công nghệ, di dời hoặc thu hẹp địa điểm sản xuất, kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dẫn tới người lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động, thôi việc, mất việc theo quy định của Bộ luật lao động trước thời hạn đã cam kết thì số cổ phần đã được mua thêm sẽ được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông. Trường hợp người lao động có nhu cầu bán lại cho doanh nghiệp số cổ phần này thì công ty cổ phần có trách nhiệm mua lại với giá sát với giá giao dịch trên thị trường.Trường hợp người lao động chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đã cam kết thì phải bán lại cho công ty cổ phần toàn bộ số cổ phần đã được mua thêm với giá sát với giá giao dịch trên thị trường nhưng không vượt quá giá đã được mua tại thời điểm cổ phần hóa.

Điều 14. Thừa kế cổ phần

1. Trường hợp cổ đông qua đời, công ty tôn trọng quyền thừa kế cổ phần của họ. Người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật sẽ trở thành cổ đông của công ty nếu đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Khi có quyền thừa kế hợp pháp, người thừa kế phải thực hiện thủ tục đăng ký làm người sở hữu của các cổ phần được thừa kế để trở thành cổ đông của công ty. Người thừa kế chỉ trở thành cổ đông của công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 9 của Điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.
3. Người thừa kế của cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát sẽ được thừa kế cổ phần nhưng không đương nhiên trở thành thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát.

Điều 15. Phát hành trái phiếu

1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Công ty không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đó sẽ không được quyền phát hành trái phiếu, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
3. Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi quy định tại khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình nghị quyết của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.
5. Trường hợp công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần thì thực hiện theo trình tự, thủ tục tương ứng chào bán cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần.

Điều 16. Mua lại cổ phần, trái phiếu

Cổ phần, trái phiếu của công ty có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác quy định tại Điều lệ công ty và phải được thanh toán đủ một lần.

Điều 17. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 18. Mua lại cổ phần theo quyết định của công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng. Các trường hợp khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.
3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho công ty. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

Điều 19. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu huỷ ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu huỷ hoặc chậm tiêu huỷ cổ phiếu gây ra đối với công ty.
4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 20. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 19 của Điều lệ này hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Khoản 3 Điều 66 của Điều lệ này thì các cổ đông phải hoàn trả cho công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho công ty thì tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

Điều 21. Quyền của cổ đông phổ thông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo uỷ quyền hoặc hình thức khác do pháp luật; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 Luật doanh nghiệp và khoản 6 điều 13 Điều lệ này.

e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty;

h) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có các quyền sau đây:

b) Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

c) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

d) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;

e) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm

cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

f) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

b) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.

c) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế. Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

4. Việc đề cử, ứng cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 điều này được quyền đề cử một hoặc một số người hoặc tự ứng cử làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát với số lượng cụ thể như sau:

+ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng viên;

+ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 60% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên;

+ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ đủ 60% trở lên được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên.

5. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 22. Nghĩa vụ các cổ đông

Các cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công

ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

2. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ công ty.
3. Chấp hành các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
4. Có trách nhiệm bảo vệ tài sản, uy tín, bí mật trong hoạt động kinh doanh của Công ty.
5. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Vi phạm pháp luật.

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

6. Thực hiện các nghĩa vụ khác do pháp luật quy định.

Điều 23. Ủy quyền của cổ đông

1. Cổ đông có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác thay mặt thực hiện các quyền của mình. Người được ủy quyền thực hiện các quyền và nghĩa vụ trong phạm vi và thời hạn ủy quyền nhân danh cổ đông ủy quyền.
2. Người được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông. Người được ủy quyền không được uỷ quyền lại cho người thứ ba.
3. Người được ủy quyền không được đem thế chấp, cầm cố và bảo lãnh số cổ phiếu được ủy quyền trong bất kỳ trường hợp nào.
4. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập theo mẫu của công ty quy định tại Khoản 1 Điều 33 của Điều lệ này và phải tuân theo quy định của pháp luật về việc ủy quyền.
5. Quy định tại khoản 4 Điều này không áp dụng nếu công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp sau đây chậm nhất hai mươi tư giờ (24 giờ) trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông:

a) Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.

b) Người uỷ quyền đã chấm dứt việc uỷ quyền.

Chương III: CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÔNG TY

MỤC 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 24. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban Kiểm soát.

Điều 25. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
2. Người đại diện theo pháp luật phải cư trú ở Việt Nam và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.
3. Người đại diện theo pháp luật của công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của công ty.

c) Trung thành với lợi ích của công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d) Chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho công ty do vi phạm nghĩa vụ gây ra.

4. Việc thay đổi số lượng, chức danh của người đại diện theo pháp luật của công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 26. Trách nhiệm của người quản lý công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.

c) Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty.

2. Ngoài các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị và Giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

Điều 27. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ.

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người có liên quan của họ.

c) Theo quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính, gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo với Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó, kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng và giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, gây thiệt hại cho công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

MỤC 2: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 28. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.

2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Thông qua định hướng phát triển của công ty.

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần.

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.

e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty.

f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm.

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.

h) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty.

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty.

j) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

Điều 29. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.

2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty.

b) Báo cáo tài chính hằng năm.

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị.

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc.

e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên.

f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.

g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.

b) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật.

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 21 Điều lệ này.

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại theo quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.

   Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty.

5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

   Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 điều 21 của Điều lệ này có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

7. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông; lập chương trình và nội dung cuộc họp; chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp; Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; xác định thời gian và địa điểm họp; gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; các công việc khác phục vụ cuộc họp.

8. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy tại các khoản 4, 5 của Điều này sẽ được công ty hoàn lại.

Điều 30. Danh sách cổ đông có quyền dự họp

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu.

Điều 31. Chương trình và Nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 21 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.

b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 32. Mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
2. Thông báo được được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của công ty và đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương, khi xét thấy cần thiết theo quy định của Điều lệ công ty.
3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; phiếu biểu quyết; mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.
4. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên

trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

Điều 33. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, uỷ quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo uỷ quyền quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật Doanh nghiệp thì uỷ quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

   Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do công ty phát hành. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

2. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Điều 34. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.
3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 32 của Điều lệ này.

Điều 35. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo quy định sau đây:

1. Trước ngày khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các

thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b) Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ toạ có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành hoặc Giơ thẻ biểu quyết, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ toạ công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác.

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ toạ, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ toạ có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.

b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.

c) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ toạ điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 36. Hình thức thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty.

b) Định hướng phát triển công ty.

c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.

f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm.

g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

Điều 37. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh.

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty.

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.

e) Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo quy định tại Điều lệ công

ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 38. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 30 của Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 32 của Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.

b) Mục đích lấy ý kiến.

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua.

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

f) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết.

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và

e) không có ý kiến đối với từng vấn đề.

f) Các vấn đề đã được thông qua.

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tại lên trang thông tin điện tử của công ty.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.

c) Chương trình và nội dung cuộc họp.

d) Họ, tên Chủ toạ và thư ký.

e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Chữ ký của chủ toạ và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau.Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ toạ và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty (nếu có).

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 40. Yêu cầu huỷ bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 21 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Điều 41. Hiệu lực của các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 40 của Điều lệ này thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

MỤC 3: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 42. Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty.

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.

c) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty.

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Điều lệ công ty.

f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật.

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm e khoản 2 Điều 35, khoản 1 và khoản 3 Điều 27 của Điều lệ này.

i) Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc. Phê chuẩn chức danh, tiền lương và quyền lợi khác của Phó Giám Đốc, Kế toán trưởng; cử người đại diện theo uỷ quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.

j) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty.

k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.

l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.

m) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông.

n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty.

p) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.

Điều 43. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 03 thành viên, trong đó phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 44. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1 Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.

b. Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm trong quản lý.

c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 134 của Luật Doanh nghiệp có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:

a. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.

b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định.

c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty.

d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty.

e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 3 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 45. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị.

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

e) Chủ toạ họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị.

f) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

g) Quyết định chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển ngắn hạn, trung hạn và dài hạn sau khi được sự thống nhất trong Hội đồng quản trị;

h) Quyết định kế hoạch sử dụng lao động, thang bảng lương, phụ cấp lương, hệ thống tiền lương theo vị trí công việc, quỹ tiền lương kế hoạch và quỹ tiền lương thực hiện của người lao động gắn với chỉ tiêu sản xuất kinh doanh;

i) Quyết định phương án huy động vốn đối với từng dự án có mức huy động vốn (hợp đồng vay vốn); từng dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định được thực hiện sau khi thống nhất của Hội đồng quản trị;

j) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, kỷ luật với Giám đốc các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng sau khi có ý kiến thống nhất của Hội đồng quản trị;

k) Quyết định việc góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn của Công ty tại các doanh nghiệp khác, việc tiếp nhận công ty con, công ty liên kết và tiếp nhận các đơn vị khác sau khi được Hội đồng quản trị thống nhất chủ trương;

l) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các chi nhánh, văn phòng đại diện, các đơn vị trực thuộc theo quy định của pháp luật hiện hành;

m) Quyết định ban hành các quy chế quản lý nội bộ Công ty. Phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ theo phân cấp của Hội đồng quản trị;

n) Thực hiện sắp xếp, đổi mới công ty sau khi phương án sắp xếp đổi mới doanh nghiệp được Hội đồng quản trị thống nhất.

2. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trong trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số các thành viên để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

3. Quy định tại Khoản 3 Điều này chỉ áp dụng trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo với Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc trong trường hợp Chủ tịch phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ.

4. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp.

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty.

d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.

e) Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.

f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

5. Chủ tịch HĐQT có thể bị bãi miễn theo Quyết định của Hội đồng quản trị;
6. Chủ tịch HĐQT sẽ sử dụng bộ máy quản lý, điều hành, bộ phận giúp việc và con dấu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình.
7. Quyết định của Chủ tịch HĐQT có giá trị pháp lý kể từ ngày được ký và đóng dấu với chức danh Chủ tịch HĐQT, trừ trường hợp phải được Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 46. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác.
3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát.

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý khác.

c) Có đề nghị của ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

   Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất 4/5 tổng số thành viên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có ít nhất 3/5 thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 10 Điều này.

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác.

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 47. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.

b) Mục đích, chương trình và nội dung họp.

c) Thời gian, địa điểm họp.

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.

e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.

f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

h) Các quyết định đã được thông qua.

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ toạ và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của công ty.
3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Điều 48. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, phó Giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Người được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 49. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 44 Điều lệ này.

b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

c) Có đơn từ chức.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ này.

Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Mục 4: TỔ CHỨC, QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 50. Cơ cấu tổ chức điều hành công ty

Công ty hoạt động theo mô hình:

- Chủ tịch HĐQT, Giám đốc và các Phó Giám đốc.
- Kế toán trưởng.
- Trưởng (phó) các phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ.
- Trưởng (phó) các đơn vị trực thuộc.

- Chủ tịch HĐQT là người đại diện pháp luật của Công ty; chức năng, quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty và các Phó Giám đốc thực hiện theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 51. Giám đốc.

1. Giám đốc do Hội đồng quản trị bầu một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Giám đốc; là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Giám đốc Công ty do Chủ tịch HĐQT bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay thế, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng kỷ luật theo quy định hiện hành. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Giám đốc Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 (*năm*) có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Giám đốc Công ty có thể ủy quyền cho các phó Giám đốc thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về việc ủy quyền của mình. Người được Giám đốc ủy quyền phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Giám đốc và trước pháp luật về những công việc mình làm và không được ủy nhiệm, ủy quyền lại cho người khác.
4. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc.

   Giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh.

Điều 52. Quyền và nghĩa vụ của Giám đốc

Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Quyết định các vấn đề liên quan đến điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị.
3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty.
4. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, Quy chế quản lý nội bộ công ty.
5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
6. Đề xuất Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm, miễn nhiêm, bãi nhiệm các chức danh Phó Giám đốc, kế toán trưởng và các chức danh quản lý trong công ty.
7. Tuyển dụng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động; quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm Giám đốc.
8. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.
9. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, điều lệ này.

10. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

Điều 53. Phó Giám đốc

1. Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc. Phó Giám đốc được Giám đốc phân công và ủy quyền điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty. Phó Giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp trước Giám đốc, Hội đồng quản trị và pháp luật về các phần việc được phân công và ủy quyền. Phó Giám đốc có thể kiêm nhiệm phụ trách các bộ phận hoặc đơn vị trực thuộc.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác đối với phó Giám đốc theo Quy chế của Công ty.

Điều 54. Kế toán trưởng Công ty

1. Giám đốc Công ty đề xuất chức vụ Kế toán trưởng và phải được sự đồng ý của Hội đồng quản trị.
2. Kế toán trưởng phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên; chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động tài chính kế toán của Công ty trước Giám đốc, Hội đồng quản trị và trước pháp luật, là người giúp việc cho Giám đốc trong phạm vi hoạt động tài chính kế toán của Công ty.
3. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm giao dịch với các cơ quan thuế, ngân hàng về các hoạt động tài chính của Công ty; chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị.

   Kế toán trưởng được hưởng lương theo đề xuất của Giám đốc và phê chuẩn của Hội đồng quản trị.

Mục 5: BAN KIỂM SOÁT

Điều 55. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát là tổ chức do Đại hội đồng cổ đông bầu, thay mặt Đại hội đồng cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và bộ máy điều hành của Giám đốc.

   Ban kiểm soát gồm 3(ba) thành viên, trong đó phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam; nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Các kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.
3. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 56. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác.
3. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.
4. Phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

Điều 57. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, thống nhất của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 21 của Điều lệ này.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 20 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

   Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý công ty quy định tại Điều 26 của Điều lệ này thì phải thông báo

ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.
10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 58. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
2. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.
3. Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
4. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.
5. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban Kiểm soát.

Điều 59. Nghĩa vụ của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và cổ đông của công ty.
3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu

nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này đều thuộc sở hữu của công ty.

6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 60. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

c) Có đơn từ chức và được chấp thuận.

d) Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.

b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên được quy định trong Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Chương IV: CĂN CỨ, PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ THƯỞNG CHO NGƯỜI QUẢN LÝ

Điều 61. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc

1. Công ty có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương cho Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thù lao, tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc được trả theo quy định sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

c) Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng

trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 62. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai hóa lợi ích và người có liên quan của công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật doanh nghiệp và các giao dịch tương ứng của họ với công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác của công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
4. Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung Danh sách nói trên tại các chi nhánh của công ty.

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc.

d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của công ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội

dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.

Điều 63. Tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên

Tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương hoặc thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương hoặc thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

Chương V: TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 64. Trình báo cáo hằng năm

1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:

   a) Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty.

   b) Báo cáo tài chính.

   c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty.
2. Trường hợp pháp luật yêu cầu phải kiểm toán thì báo cáo tài chính hằng năm của công ty phải được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.
3. Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.
4. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính và chi nhánh của công ty chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.
5. Cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại Điều này trong thời gian hợp lý.

Điều 65. Công khai thông tin về Công ty cổ phần

1. Công ty cổ phần phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật về kế toán và pháp luật có liên quan.
2. Công ty cổ phần công bố trên trang thông tin điện tử (nếu có) của mình các thông tin sau đây:

a) Điều lệ công ty.

b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Giám đốc công ty.

c) Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

3. Trường hợp chưa niêm yết cổ phiếu, Công ty phải thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi công ty có trụ sở chính chậm nhất 03 ngày sau khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần và họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài.

Điều 66. Thể lệ quyết toán, lập quỹ và trả cổ tức

1. Năm quyết toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm, riêng năm đầu tiên hoạt động bắt đầu từ ngày ra hoạt động và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
2. Việc lập quỹ theo quy định của pháp luật do Đại hội đồng cổ đông công ty quyết định. Hằng năm sau khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, lợi nhuận sau thuế được phân bổ theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi
- Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên.
- Trả cổ tức

3. Trả cổ tức

a) Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức khi công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

b) Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều lệ công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc, chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc địa chỉ liên lạc của cổ đông.

c) Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên công ty và địa chỉ trụ sở chính của công ty; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận; thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.

d) Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.

Điều 67. Phân chia lợi nhuận

1. Công ty chỉ được chia lợi nhuận sau thuế cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi chia lợi nhuận.

2. Tùy thuộc vào tình hình tài chính của công ty, việc phân chia lợi nhuận trước thuế được thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Thực hiện nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác với Nhà nước.

b) Bù đắp các khoản lỗ từ các năm trước theo quy định của pháp luật về thuế.

c) Trích lập các quỹ của công ty.

d) Chia cổ tức cho cổ đông.

Điều 68. Xử lý lỗ trong kinh doanh

Trường hợp kinh doanh thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định giải quyết kịp thời theo các biện pháp:

1. Trích quỹ dự phòng để bù lỗ.

2. Chuyển một phần lỗ sang năm sau, thời hạn chuyển lỗ tối đa là 03 năm. Đồng thời, Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp để khắc phục.

Điều 69. Chế độ lưu giữ tài liệu

1. Công ty phải lưu giữ các tài liệu sau đây:

a) Điều lệ công ty; văn bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; Quy chế quản lý nội bộ của công ty; sổ đăng ký cổ đông.

b) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; giấy chứng nhận quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm; các giấy phép và giấy chứng nhận khác.

c) Các tài liệu và giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của công ty.

d) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các nghị quyết đã được thông qua.

e) Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập.

f) Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm.

g) Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty phải lưu giữ các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này tại trụ sở chính hoặc nơi khác nhưng phải thông báo cho cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh biết. Thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VI: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 70. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Mọi tranh chấp xảy ra giữa các cổ đông công ty với nhau hoặc giữa cổ đông với công ty phải được giải quyết bằng thương lượng, hòa giải. Trường hợp thương lượng, hòa giải không thành, Tòa án là cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

2. Chi phí liên quan đến thủ tục thương lượng, hoà giải sẽ do mỗi bên sẽ tự chịu phần chi phí của mình, nếu không có thoả thuận khác.

Đối với các chi phí của Toà án sẽ do Toà án quyết định bên nào sẽ chịu.

Chương VII: TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 71. Chấm dứt hoạt động

Công ty chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

1. Công ty bị giải thể.

2. Công ty bị Tòa án tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 72. Các trường hợp và điều kiện giải thể công ty

1. Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

b) Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và doanh nghiệp không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Người quản lý có liên quan và công ty quy định

tại điểm c khoản 1 Điều này cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty.

Điều 73. Trình tự, thủ tục giải thể công ty

Việc giải thể công ty trong các trường hợp quy định tại các điểm a,b Khoản 1 Điều 72 của Điều lệ này được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thông qua quyết định giải thể công ty. Quyết định giải thể công ty phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty.

b) Lý do giải thể.

c) Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của công ty; thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không được vượt quá 06 tháng, kể từ ngày thông qua quyết định giải thể.

d) Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động.

e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty.

2. Hội đồng quản trị trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản công ty.

3. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể và Biên bản họp phải được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong công ty, đăng quyết định giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty.

Trường hợp công ty còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải gửi kèm theo quyết định giải thể phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

4. Cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo tình trạng công ty đang làm thủ tục giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp ngay sau khi nhận được quyết định giải thể của công ty. Kèm theo thông báo phải đăng tải quyết định giải thể và phương án giải quyết nợ (nếu có).

5. Các khoản nợ của công ty được thanh toán theo thứ tự sau đây:

a) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thoả ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết.

b) Nợ thuế và các khoản nợ khác.

6. Sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ và chi phí giải thể công ty, phần còn lại chia cho các cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.

7. Người đại diện theo pháp luật của công ty gửi hồ sơ giải thể doanh nghiệp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của công ty. Trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ

ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký kinh doanh xoá tên công ty trong sổ đăng ký kinh doanh.

8. Sau thời hạn 180 (một trăm tám mươi) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải thể theo khoản 3 Điều này mà không nhận được ý kiến về việc giải thể từ công ty hoặc phản đối của bên có liên quan bằng văn bản hoặc trong 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ giải thể, Cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của công ty trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Hồ sơ giải thể doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại Điều 204 Luật doanh nghiệp.

Điều 74. Giải thể công ty trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án

Việc giải thể công ty theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 72 của Điều lệ này được thực hiện theo trình tự, thủ tục sau đây:

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh, phải thông báo tình trạng công ty đang làm thủ tục giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đồng thời với việc ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc ngay sau khi nhận được quyết định giải thể của Tòa án đã có hiệu lực thi hành. Kèm theo thông báo phải đăng tải quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định của Tòa án.

2. Trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực, công ty phải triệu tập họp để quyết định giải thể. Quyết định giải thể và bản sao quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong công ty và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty. Đối với trường hợp mà pháp luật yêu cầu phải đăng báo thì quyết định giải thể công ty phải được đăng ít nhất trên một tờ báo viết hoặc báo điện tử trong ba số liên tiếp.

   Trường hợp công ty còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải đồng thời gửi kèm theo quyết định giải thể của công ty phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

3. Việc thanh toán các khoản nợ của công ty được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 202 của Luật Doanh nghiệp.

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty gửi đề nghị giải thể cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của công ty.

5. Sau thời hạn 180 (một trăm tám mươi) ngày, kể từ ngày thông báo tình trạng giải thể công ty theo quy định tại khoản 1 Điều này mà không nhận phản đối của bên có liên quan bằng văn bản hoặc trong 05 (năm) ngày làm việc kể từ

ngày nhận hồ sơ giải thể, Cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của công ty trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

6. Cá nhân người quản lý công ty có liên quan phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại do việc không thực hiện hoặc không thực hiện đúng quy định tại Điều này.

Điều 75. Các hoạt động bị cấm kể từ khi có quyết định giải thể

1. Kể từ khi có quyết định giải thể công ty, nghiêm cấm công ty, người quản lý công ty thực hiện các hoạt động sau đây:

a) Cất giấu, tẩu tán tài sản.

b) Từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ.

c) Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của công ty.

d) Ký kết hợp đồng mới trừ trường hợp để thực hiện giải thể công ty.

e) Cầm cố, thế chấp, tặng cho, cho thuê tài sản.

f) Chấm dứt thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực.

g) Huy động vốn dưới mọi hình thức khác.

2. Tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, cá nhân có hành vi vi phạm khoản 1 Điều này có thể bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

Điều 76. Phá sản công ty

Việc phá sản công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

Điều 77. Thanh lý

1. Khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Tổ Thanh lý gồm 3 thành viên, trong đó có 2 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 1 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định. Tổ Thanh lý sẽ chuẩn bị các Quy chế hoạt động của mình. Các thành viên Tổ Thanh lý có thể được lựa chọn từ các nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Tổ Thanh lý có trách nhiệm thực hiện các thủ tục thanh lý tài sản và chấm dứt hoạt động của Công ty, báo cáo cơ quan đăng ký kinh doanh về việc chấm dứt hoạt động của Công ty.

a) Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo quy định của pháp luật.

b) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ sẽ được phân chia cho các cổ đông.

Chương VIII: HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 78. Con dấu

1. Số lượng, hình thức, nội dung của con dấu

Công ty sử dụng 01 (một) con dấu có nội dung, hình thức như sau:

- Hình thức: Hình tròn.
- Kích cỡ đường kính 3,7 cm.

- Nội dung: Con dấu của công ty bao gồm tên công ty, mã số doanh nghiệp, loại hình doanh nghiệp.
- Màu mực dấu: Công ty sử dụng màu đỏ làm màu mực của con dấu.

2. Con dấu của Công ty được phân công cho văn thư quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật. Việc sử dụng con dấu sẽ theo quy chế do Hội đồng quản trị Công ty ban hành. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng dấu. Con dấu không được phép sử dụng vào các mục đích không liên quan đến hoạt động của công ty, không phục vụ cho lợi ích của công ty. Khi có thay đổi về Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc, con dấu phải được chuyển giao ngay lập tức cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc mới. Người nào không chuyển giao con dấu cũng như những tài liệu quan trọng khác của Công ty dẫn đến cản trở hoạt động của công ty sẽ phải bồi thường thiệt hại cho công ty.
3. Con dấu của công ty được lưu giữ tại trụ sở chính công ty.

Điều 79. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được lập thành văn bản và phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua theo quy định tại Điều lệ này.
2. Trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty nhưng chưa được quy định trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

Điều 80. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ này sẽ có hiệu lực kể từ ngày các thành viên Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Các phụ lục của Điều lệ này và các văn bản sửa đổi Điều lệ là một phần không thể tách rời của Điều lệ.
3. Điều lệ này chi phối toàn bộ mọi hoạt động của Công ty và mọi thành viên của Công ty có nghĩa vụ thi hành.
4. Nếu trong Điều lệ này có những điều khoản vô hiệu thì những điều khoản khác vẫn có hiệu lực.

Điều 81. Điều khoản cuối cùng

1. Điều lệ này gồm 08 Chương, 81 Điều, đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Giống gia súc Hải Dương nhất trí thông qua và biểu quyết chấp nhận toàn bộ nội dung vào ngày ... tháng .... năm 2018. (*Bản Điều lệ này là Bản Điều lệ được ban hành lần thứ nhất*).

   Điều lệ này được lập thành 18 bản có giá trị như nhau. Trong đó:

   - 02 bản gửi cổ đông nhà nước.
   - 05 bản gửi cho Hội đồng quản trị.
   - 03 bản gửi cho Ban kiểm soát.
   - 04 bản lưu tại văn phòng Công ty cổ phần Giống gia súc Hải Dương.

- Số còn lại gửi cho các cơ quan nhà nước có liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Các bản trích hay bản sao Điều lệ chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị mới có giá trị.
3. Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và toàn thể cán bộ, công nhân viên Công ty có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh Điều lệ này./.

Hải Dương, ngày 27 tháng 02.năm 2020

CTCP GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

M.S.D.N: 0800011667 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY T.N.H.H MỘT THÀNH VIÊN GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG
TP.HẢI DƯƠNG-T.HẢI DƯƠNG

GIÁM ĐỐC

ĐINH XUÂN BÌNH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

CÔNG TY TNHH MTV GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG

Hải Dương, năm 2020

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
CÔNG TY TNHH MTV GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

I. Đặc điểm chung

- Tên công ty: Công ty TNHH Một thành viên Giống Gia súc Hải Dương
- Ngày tháng năm thành lập: 29/12/1995
- Địa chỉ trụ sở chính: Km 4 + 500, đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tứ Minh, Phường Minh Khai, TP Hải Dương, Tỉnh Hải Dương
- Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất và tiêu thụ liều tinh lợn, tổ chức truyền tinh nhân tạo bò trên địa bàn được giao, nuôi giữ giống gốc lợn nái sinh sản cấp ông bà, cung ứng dịch vụ con giống lợn, bò sinh sản. Đào tạo tập huấn chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật ngành chăn nuôi, thú y. Thực hiện nhiệm vụ công ích sản xuất và cung cấp giống gia súc để phát triển ngành chăn nuôi của tỉnh.
- Hình thức sắp xếp lại: Cổ phần hóa
- Thuận lợi khi thực hiện chuyển đổi:

+ Công ty luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ và chỉ đạo của UBND tỉnh Hải Dương và Ban chỉ đạo cổ phần hóa. Nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đã tạo điều kiện thuận lợi, tạo động lực thúc đẩy hoạt động SXKD của doanh nghiệp chủ động, tích cực và hiệu quả hơn.

+ Đội ngũ lãnh đạo công ty luôn tâm huyết, tập trung trí tuệ, năng lực, lãnh đạo vì sự phát triển của công ty và đời sống người lao động trong doanh nghiệp. Tập thể cán bộ, người lao động trong công ty luôn đoàn kết, thống nhất ý trí và hành động trong thực hiện nhiệm vụ SXKD.

- Khó khăn khi thực hiện chuyển đổi:

+ Về cơ chế hoạt động: Công ty hiện là doanh nghiệp thuộc sở hữu của Nhà nước, không linh hoạt với thị trường. Đặc biệt trong thời buổi nền kinh tế hội nhập, hình thức hoạt động hiện tại sẽ kiềm chế sự phát triển của Công ty;

+ Chuyển đổi mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn do Nhà nước sở hữu sang hình thức hoạt động theo Công ty cổ phần vì vậy Công ty chưa có kinh nghiệm về hoạt động theo mô hình mới, mặt khác để phát triển các ngành nghề mới thì chi phí xây dựng, chi phí vốn đầu tư, chi phí nhân công và khấu hao tài sản lớn, nên hiệu quả sản xuất kinh doanh trong giai đoạn đầu sau cổ phần hóa sẽ không cao.

II. Phương án sử dụng lao động

1. Lao động trước khi sắp xếp

Tổng số lao động thường xuyên (tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 31/12/2018): 26 người, trong đó nữ: 10 người.

Trong đó:

a) Số lao động đang làm việc theo hợp đồng lao động: 24 người.

b) Số lao động không thuộc đối tượng ký hợp đồng làm việc, hợp đồng lao động: 02 người

c) Số lao động đang ngừng việc: 00 người

d) Số lao động đang nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau, thai sản, điều trị thương tật, bệnh tật do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật về lao động và bảo hiểm xã hội: 00 người.

đ) Số lao động đang nghỉ việc không hưởng lương: 00 người.

e) Số lao động đang bị tạm đình chỉ công tác hoặc bị tạm giữ, tạm giam theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền: 00 người.

f) Số lao động đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng làm việc, hợp đồng lao động: 00 người.

Trong đó:

+ Số đang là người đại diện phần vốn của công ty: 00 người

2. Phương án sử dụng lao động

a) Số lao động tiếp tục sử dụng tại công ty cổ phần: 22 người, trong đó nữ: 10 người.

Trong đó:

- Số lao động tiếp tục sử dụng: 22 người.
- Số lao động được đưa đi đào tạo lại để tiếp tục sử dụng (nếu có): 00 người;
- Số lao động chuyển sang làm việc không trọn thời gian (nếu có): 00 người.

b) Số lao động chấm dứt hợp đồng lao động: 02 người.

c) Số lao động được tuyển dụng lần cuối cùng trước ngày 21 tháng 04 năm 1998 không bố trí được việc làm và phải chấm dứt hợp đồng làm việc, hợp đồng lao động: 01 người, trong đó nữ: 00 người.

Trong đó:

- Số lao động nghỉ hưu trước tuổi: 01 người;
- Số lao động đủ tuổi nghỉ hưu nhưng thiếu thời gian đóng BHXH: 00 người
- Số lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động do không bố trí được việc làm: 00 người

d) Số lao động được tuyển dụng lần cuối cùng từ ngày 21 tháng 04 năm 1998 trở về sau không bố trí được việc làm và phải chấm dứt hợp đồng làm việc, hợp đồng lao động: 00 người, trong đó nữ: 00 người

3. Kinh phí dự kiến

Tổng kinh phí dự kiến thực hiện chính sách: 78.610.880 đồng.

Trong đó:

a) Thực hiện chế độ đối với số lao động về hưu trước độ tuổi quy định: 78.610.880 đồng;

b) Đóng cho số tháng còn thiếu vào quỹ hưu trí, tử tuất với số lao động đủ tuổi nghỉ hưu nhưng thiếu tối đa 06 tháng đóng BHXH: 00 đồng;

c) Thực hiện chế độ đối với lao động tuyển dụng lần cuối cùng trước ngày 21 tháng 04 năm 1998 không bố trí được việc làm và phải chấm dứt hợp đồng làm việc, hợp đồng lao động: 00 đồng;

d) Thực hiện chế độ đối với số lao động được tuyển dụng lần cuối cùng từ ngày 21 tháng 04 năm 1998 trở về sau không bố trí được việc làm và phải chấm dứt hợp đồng làm

việc, hợp đồng lao động: 00 đồng.

4. Nguồn kinh phí đảm bảo

Tổng kinh phí dự kiến thực hiện chính sách: 78.610.880 đồng

Trong đó:

a) Nguồn từ tiền bán cổ phần: 78.610.880 đồng.

b) Chi phí của doanh nghiệp: 00 đồng.

c) Đề nghị Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp: 00 đồng./.

Hải Dương, ngày ... tháng ...năm 2020

Ngày 26 tháng 02 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU	PHÊ DUYỆT CỦA	GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên)	UBND TỈNH HẢI DƯƠNG	*(Ký tên, đóng dấu)*
	(Chức danh, ký tên, đóng dấu)	
Trương Thị Hạ		**ĐINH XUÂN BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

- Căn cứ Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành Công ty cổ phần.

- Căn cứ Thông tư 07/2018/TT-BLĐTBXH ngày 01/08/2018 của Bộ lao động - thương binh và xã hội về Hướng dẫn xây dựng phương án sử dụng lao động và thực hiện chính sách đối với người lao động khi cổ phần hóa quy định tại nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và Công ty TNHH MTV do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.

- Căn cứ Quyết định 4518/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV giống gia súc Hải Dương tại thời điểm ngày 31/12/2018.

- Căn cứ danh sách 26 người lao động có thời gian thực tế làm việc 12 tháng trở lên trong khu vực nhà nước chưa hưởng chế độ tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 31/12/2018 của Công ty TNHH MTV giống gia súc Hải Dương ký xác nhận tổng thời gian làm việc trong khu vực nhà nước được tính mua cổ phần ưu đãi.

Hôm nay ngày 27 tháng 12 năm 2019

Tại Văn phòng Công ty TNHH MTV giống gia súc Hải Dương

Địa chỉ: Km4+500 đường Nguyễn Lương Bằng – TP Hải Dương

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện Sở lao động Thương binh và xã Hội:

Bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Trưởng phòng lao động – tiền lương – BHXH.

2. Đại diện Công ty TNHH MTV giống gia súc Hải Dương\

Ông Đinh Xuân Bình - Giám đốc

Bà Trương Thị Hạ - Kiểm soát viên, phụ trách kế toán, trưởng phòng hành chính tổng hợp.

Đã tiến hành thẩm định hồ sơ của 26 người lao động có thời gian thực tế làm việc từ 12 tháng trở lên trong khu vực nhà nước chưa được hưởng chế độ của Công ty TNHH MTV giống gia súc Hải Dương tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa là ngày 31/12/2018 để xác định thời gian thực tế của người lao động được tính mua cổ phần với giá ưu đãi.

Hồ sơ thẩm định gồm có:

- Hồ sơ làm việc của 26 người lao động có thời gian thực tế làm việc từ 12 tháng trở lên trong khu vực nhà nước chưa được hưởng chế độ gồm: Hợp đồng lao động, các quyết định nâng bậc lương, các quyết định tiếp nhận của đơn vị cũ.

- Sổ Bảo hiểm xã hội (kèm theo các tờ rời, bản xác nhận của cơ quan BHXH) của người lao động có thời gian thực tế làm việc 12 tháng trở lên trong khu vực nhà nước chưa hưởng chế độ.

- Các bảng thanh toán tiền lương cho người lao động.

- Danh sách 26 người lao động có thời gian thực tế làm việc từ 12 tháng trở lên trong khu vực nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 31/12/2018 của Công ty TNHH MTV giống gia súc Hải Dương.

Kết quả thẩm định như sau:

Tổng số lao động 26 người lao động.

Trong đó:

- Giám đốc: 01 người

- Kiểm soát viên: 01 người

- Phòng hành chính: 06 người

- Phòng kinh doanh: 08 người

- Phòng sản xuất: 10 người

1. Người quản lý doanh nghiệp

- Số người lao động có thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước đủ 12 tháng trở lên: 02 người với tổng số năm là 44 năm.

- Số người lao động có thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước chưa đủ 12 tháng: 0 người

2. Hợp đồng lao động: Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 24 người.

- Số người lao động có thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước đủ 12 tháng trở lên: 24 người với tổng số năm là 399 năm.

- Số người lao động có thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước chưa đủ 12 tháng: 0 người

Vì vậy, số lao động được mua cổ phần với giá ưu đãi ở Công ty TNHH MTV giống gia súc Hải Dương là 26 người với tổng số năm làm việc trong khu vực nhà nước được tính mua cổ phần với giá ưu đãi là 443 năm *(Có Danh sách chi tiết lập có xác nhận của người lao động kèm theo)*

Biên bản được lập xong hồi 16h cùng ngày, không ai có ý kiến gì khác.

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH MTV GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG	**ĐẠI DIỆN SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**
M.S.D.N: 0800011667 - C.T.T.N.H.H CÔNG TY T.N.H.H MỘT THÀNH VIÊN GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG TP.HẢI DƯƠNG-T.HẢI DƯƠNG	
Giám đốc: Đinh Xuân Bình	**Nguyễn Thị Thu Thủy**

Mẫu số 01

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
CÔNG TY TNHH MTV GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG, NGƯỜI QUẢN LÝ, KIỂM SOÁT VIÊN, NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN CỦA DOANH NGHIỆP CHUYÊN TRÁCH TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP
(31/12/2018)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức danh, công việc đang làm	Đơn vị (phòng, ban, phân xưởng...)	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ hoặc bậc lương hiện hưởng	Thời hạn hợp đồng lao động (HĐLĐ) *0. Không thuộc diện ký HĐLĐ 1. Không xác định 2. Từ 12 đến 36 tháng 3. Dưới 12 tháng hoặc mùa vụ*	Ngày, tháng, năm tuyển dụng lần cuối vào doanh nghiệp	Tình trạng việc làm *01. Đang làm việc 02. Đang phải ngừng việc 03. Đang nghỉ hưởng BHXH, TNLĐ BNN 04. Đang nghỉ không lương 05. Đang tạm hoãn thực hiện HĐLĐ*	Địa chỉ hoặc điện thoại liên hệ
		Nam	Nữ							
(A)	*(C)*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
I. NGƯỜI LAO ĐỘNG, NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP VÀ KIỂM SOÁT VIÊN										
1	Đinh Xuân Bình	28/10/1966		Giám đốc	Ban Điều hành	Đại học	0	01/08/1989	1	Nguyễn Trung Trực, TP. Hải Dương
2	Trương Thị Hạ		09/01/1978	Kiểm soát viên	Kiểm soát viên	Sau Đại học	0	01/01/2004	1	Phường Hải Tân, TP. Hải Dương
3	Trương Minh Tuấn	10/10/1971		Phó phòng hành chính	Phòng HCTH	Đại học	1	01/08/2000	1	Phố Chương Dương, TP. Hải Dương
4	Đỗ Thị Nga		01/12/1965	Công nhân kỹ thuật	Phòng sản xuất	Sơ cấp	1	01/08/1985	1	Tân Minh, Tứ Minh, TP. Hải Dương
5	Lê Thị Kim Tuyến		14/01/1975	Công nhân chăn lợn	Phòng sản xuất	Trung cấp	1	01/01/1995	1	Cẩm Khê, Tứ Minh, TP. Hải Dương
6	Trần Thị Thơ		28/01/1974	Công nhân chăn lợn	Phòng sản xuất	Sơ cấp	1	01/01/1995	1	Tứ Thông, Tứ Minh, TP. Hải Dương
7	Vũ Thị Thanh Hà		01/11/1983	Công nhân chăn lợn	Phòng sản xuất	Trung cấp	1	01/01/2006	1	Tứ Thông, Tứ Minh, TP. Hải Dương
8	Nguyễn Thị Bích Ngọc		11/05/1982	Công nhân chăn lợn	Phòng sản xuất	Sơ cấp	1	01/01/2003	1	Thanh Bình, TP. Hải Dương
9	Nguyễn Thị Hảo		09/03/1982	Công nhân chăn lợn	Phòng sản xuất	Trung cấp	1	01/01/2004	1	Phường Tứ Minh, TP. Hải Dương
10	Phạm Văn Quý	25/10/1975		Bác sỹ thú y - Trưởng phòng KD		Đại học	1	01/03/1999	1	Phường Tứ Minh, TP. Hải Dương

11	Bùi Tố Nam	03/07/1971		Công nhân kỹ thuật	Phòng sản xuất	Sơ cấp	1	01/01/1995	1	Tân Minh, Tứ Minh, TP. Hải Dương
12	Phạm Văn Tạo	24/07/1961		Công nhân kỹ thuật	Phòng sản xuất	Sơ cấp	1	01/04/1984	1	Phường Cẩm Thượng, TP. Hải Dương
13	Nguyễn Thế Phương	31/01/1977		Công nhân kỹ thuật	Phòng sản xuất	Trung cấp	1	01/12/2004	1	Tân Minh, Tứ Minh, TP. Hải Dương
14	Nguyễn Mạnh Hà	06/06/1982		Công nhân kỹ thuật	Phòng sản xuất	Trung cấp	1	01/01/2006	1	Thị trấn Thanh Hà, Hải Dương
15	Phạm Văn Sao	30/09/1983		Công nhân kỹ thuật	Phòng sản xuất	Trung cấp	1	01/08/2007	1	Phạm Kha, Thanh Miện, Hải Dương
16	Phạm Văn Tuấn	20/08/1981		Công nhân kỹ thuật	Phòng sản xuất	Sơ cấp	1	01/11/2009	1	Tân Minh, Tứ Minh, TP. Hải Dương
17	Vũ Thị Hường		30/01/1984	Bác sỹ thú y	Phòng sản xuất	Đại học	1	01/06/2009	1	Thái Học, Bình Giang, Hải Dương
18	Hoàng Anh Tuấn	12/12/1977		Bác sỹ thú y	Phòng sản xuất	Đại học	1	01/05/2004	1	Phường Thanh Bình, TP. Hải Dương
19	Đinh Thị Tâm		23/03/1972	Kế toán	Phòng Kế toán tài chính	Đại học	1	01/07/2009	1	Phường Cẩm Thượng, TP. Hải Dương
20	Bùi Thị Nguyệt		05/12/1989	Kế toán	Phòng Kế toán tài chính	Cao đẳng	1	01/04/2013	1	Long Xuyên, Bình Giang, Hải Dương
21	Phạm Tuấn Phong	11/09/1992		Kế toán	Phòng Kế toán tài chính	Đại học	2	01/06/2017	1	Gia Tân, Gia Lộc, Hải Dương
22	Bùi Hoàng Anh	09/11/1994		Bảo vệ	Phòng sản xuất	Cao đẳng	2	01/07/2017	1	Tân Minh, Tứ Minh, TP. Hải Dương
23	Nguyễn Văn Khánh	23/08/1970		Công nhân kỹ thuật	Phòng sản xuất	Trung cấp	1	01/05/1993	1	Tân Minh, Tứ Minh, TP. Hải Dương
24	Nguyễn Quốc Tuấn	13/05/1962		Công nhân kỹ thuật	Phòng sản xuất	Sơ cấp	1	01/01/1985	1	Tân Minh, Tứ Minh, TP. Hải Dương
25	Đinh Mạnh Hùng	02/08/1988		Công nhân kỹ thuật	Phòng sản xuất	Đại học	2	01/10/2017	1	Nguyễn Thượng Mẫn,TP Hải
26	Phan Trọng Đuốc	22/08/1960		Bảo vệ		Sơ cấp	1	01/11/2013	1	Nguyên Giáp, Tứ Kỳ, Hải Dương
II. NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN CỦA DOANH NGHIỆP CHUYÊN TRÁCH TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC										

Tổng số người theo danh sách: 26 người

Hải Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU
(ký, ghi rõ họ tên)

Trương Thị Hạ

GIÁM ĐỐC
(ký tên và đóng dấu)

CÔNG TY T.N.H.H MỘT THÀNH VIÊN GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG
M.S.D.N: 0800011667 - C.T.C.P.H - TP HẢI DƯƠNG-T.HẢI DƯƠNG

ĐINH XUÂN BÌNH

Mẫu số 02

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
CÔNG TY TNHH MTV GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH LAO ĐỘNG, NGƯỜI QUẢN LÝ, KIỂM SOÁT VIÊN, NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN CỦA DOANH NGHIỆP CHUYÊN TRÁCH TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC TIẾP TỤC SỬ DỤNG

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Ngày, tháng, năm sinh		Chức danh, công việc đang làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ hoặc bậc lương hiện hưởng	Đơn vị (phòng, ban, phân xưởng...)	Dự kiến chức danh, công việc tại doanh nghiệp cổ phần	Địa chỉ hoặc điện thoại liên hệ
			Nam	Nữ					
(A)	*(B)*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
I. LAO ĐỘNG TIẾP TỤC SỬ DỤNG									
1	Đinh Xuân Bình	1	28/10/1966		Giám đốc	Đại học		Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	Nguyễn Trung Trực, TP. Hải Dương
2	Trương Thị Hạ	2		09/01/1978	Kiểm soát viên	Sau Đại học		Trưởng Ban kiểm soát	Phường Hải Tân, TP. Hải Dương
3	Trương Minh Tuấn	3	10/10/1971		Phó phòng hành chính	Đại học		Phó phòng hành chính	Phố Chương Dương, TP. Hải Dương
4	Đỗ Thị Nga	4		01/12/1965	Công nhân kỹ thuật	Sơ cấp		Công nhân kỹ thuật	Tân Minh, Tứ Minh, TP. Hải Dương
5	Lê Thị Kim Tuyến	5		14/01/1975	Công nhân chăn lợn	Trung cấp		Công nhân chăn lợn	Cẩm Khê, Tứ Minh, TP. Hải Dương
6	Trần Thị Thơ	6		28/01/1974	Công nhân chăn lợn	Sơ cấp		Công nhân chăn lợn	Tứ Thông, Tứ Minh, TP. Hải Dương
7	Vũ Thị Thanh Hà	7		01/11/1983	Công nhân chăn lợn	Trung cấp		Công nhân chăn lợn	Tứ Thông, Tứ Minh, TP. Hải Dương
8	Nguyễn Thị Bích Ngọc	8		11/05/1982	Công nhân chăn lợn	Sơ cấp		Công nhân chăn lợn	Thanh Bình, TP. Hải Dương
9	Nguyễn Thị Hảo	9		09/03/1982	Công nhân chăn lợn	Trung cấp		Công nhân chăn lợn	Phường Tứ Minh, TP. Hải Dương
10	Phạm Văn Quý	10	25/10/1975		Bác sỹ thú y - Trưởng phòng KD	Đại học		Bác sỹ thú y - Trưởng phòng KD	Phường Tứ Minh, TP. Hải Dương
11	Bùi Tố Nam	11	03/07/1971		Công nhân kỹ thuật	Sơ cấp		Công nhân kỹ thuật	Tân Minh, Tứ Minh, TP. Hải Dương

12	Nguyễn Thế Phương	13	31/01/1977		Công nhân kỹ thuật	Trung cấp		Công nhân kỹ thuật	Tân Minh, Tứ Minh, TP. Hải Dương
13	Nguyễn Mạnh Hà	14	06/06/1982		Công nhân kỹ thuật	Trung cấp		Công nhân kỹ thuật	Thị trấn Thanh Hà, Hải Dương
14	Phạm Văn Sao	15	30/09/1983		Công nhân kỹ thuật	Trung cấp		Công nhân kỹ thuật	Phạm Kha, Thanh Miện, Hải Dương
15	Phạm Văn Tuấn	16	20/08/1981		Công nhân kỹ thuật	Sơ cấp		Công nhân kỹ thuật	Tân Minh, Tứ Minh, TP. Hải Dương
16	Vũ Thị Hường	17		30/01/1984	Bác sỹ thú y	Đại học		Bác sỹ thú y	Thái Học, Bình Giang, Hải Dương
17	Hoàng Anh Tuấn	18	12/12/1977		Bác sỹ thú y	Đại học		Bác sỹ thú y	Phường Thanh Bình, TP. Hải Dương
18	Đinh Thị Tâm	19		23/03/1972	Kế toán	Đại học		Kế toán	Phường Cẩm Thượng, TP. Hải Dương
19	Bùi Thị Nguyệt	20		05/12/1989	Kế toán	Cao đẳng		Kế toán	Long Xuyên, Bình Giang, Hải Dương
20	Phạm Tuấn Phong	21	11/09/1992		Kế toán	Đại học		Kế toán	Gia Tân, Gia Lộc, Hải Dương
21	Bùi Hoàng Anh	22	09/11/1994		Bảo vệ	Cao đẳng		Bảo vệ	Tân Minh, Tứ Minh, TP. Hải Dương
22	Phan Trọng Đuốc	26	22/08/1960		Bảo vệ			Bảo vệ	
II. LAO ĐỘNG ĐƯA ĐI ĐÀO TẠO LẠI ĐỂ TIẾP TỤC SỬ DỤNG									
III. LAO ĐỘNG CHUYỂN SANG LÀM VIỆC KHÔNG TRỌN THỜI GIAN									

Tổng số người theo danh sách: 22 người

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Vương Thị Hà

Hải Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2020

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY T.N.H.H MỘT THÀNH VIÊN GIỐNG GIA SỨC HẢI DƯƠNG

ĐINH XUÂN BÌNH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
CÔNG TY TNHH MTV GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG

Mẫu số 03

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG, NGƯỜI QUẢN LÝ, KIỂM SOÁT VIÊN, NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN CỦA DOANH NGHIỆP CHUYÊN TRÁCH TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC NGHỈ HƯU

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Ngày, tháng, năm sinh		Chức danh, công việc đang làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ hoặc bậc lương hiện hưởng	Đơn vị (phòng, ban, phân xưởng...)	Thời điểm dự kiến nghỉ hưu (ngày, tháng, năm)	Nơi ở sau khi nghỉ hưu
			Nam	Nữ					
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I. NGƯỜI LAO ĐỘNG, NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP, KIỂM SOÁT VIÊN									
1	Nguyễn Quốc Tuấn	24	13/05/1962		Công nhân kỹ thuật		Phòng sản xuất	Đã nghỉ hưu tháng 7/2019	Khu Tân Minh, P Tứ Minh, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương
II. NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN CỦA DOANH NGHIỆP CHUYÊN TRÁCH TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC									

Tổng số người theo danh sách: 01 người

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trương Thị Hạ

Hải Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2020
GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY T.N.H.H MỘT THÀNH VIÊN GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG

ĐINH XUÂN BÌNH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
CÔNG TY TNHH MTV GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG

Mẫu số 04

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG, NGƯỜI QUẢN LÝ, KIỂM SOÁT VIÊN, NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN CỦA DOANH NGHIỆP CHUYÊN TRÁCH TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Ngày, tháng, năm sinh		Chức danh, công việc đang làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ hoặc bậc lương hiện hưởng	Đơn vị (phòng, ban, phân xưởng…)	Ngày, tháng, năm tuyển dụng lần cuối vào doanh nghiệp	Thời điểm dự kiến chấm dứt HĐLĐ (ngày, tháng, năm)	Lý do chấm dứt 01. Hết hạn HĐLĐ hoặc hết nhiệm kỳ 02. Hai bên thỏa thuận 03. Người lao động đơn phương 04. Khác	Ghi chú
			Nam	Nữ							
(A)	*(B)*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*
I. NGƯỜI LAO ĐỘNG, NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP, KIỂM SOÁT VIÊN											
1	Nguyễn Văn Khánh	23	23/08/1970		Công nhân kỹ thuật		Phòng sản xuất	01/05/1993	Đã chấm dứt tháng 7/2019	3	
2	Đinh Mạnh Hùng	25	02/08/1988		Công nhân kỹ thuật		Phòng kinh doanh	01/10/2017	Đã chấm dứt tháng 7/2019	3	
II. NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN CỦA DOANH NGHIỆP CHUYÊN TRÁCH TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC											

Tổng số người theo danh sách: 02 người

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trương Thị Hạ

Hải Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2020
GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY T.N.H.H MỘT THÀNH VIÊN GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG

ĐINH XUÂN BÌNH

Mẫu số 05

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
CÔNG TY TNHH MTV GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG, NGƯỜI QUẢN LÝ, KIỂM SOÁT VIÊN, NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN CỦA DOANH NGHIỆP CHUYÊN TRÁCH TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC KHÔNG THỂ BỐ TRÍ ĐƯỢC VIỆC LÀM VÀ PHẢI CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG (DIỆN DÔI DƯ)

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Ngày, tháng, năm sinh		Chức danh, công việc đang làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ hoặc bậc lương hiện hưởng	Đơn vị (phòng, ban, phân xưởng...)	Ngày, tháng, năm tuyển dụng lần cuối vào doanh nghiệp	Ghi chú
			Nam	Nữ					
(A)	*(B)*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
I. TUYỂN DỤNG TRƯỚC NGÀY 21 THÁNG 4 NĂM 1998									
1	Phạm Văn Tạo	12	24/07/1961		Công nhân kỹ thuật	Sơ cấp	Phòng kinh doanh	1/4/1984	Phường Cẩm Thượng, Thành phố Hải Dương
II. TUYỂN DỤNG TỪ NGÀY 21 THÁNG 4 NĂM 1998 VỀ SAU									

Tổng số người theo danh sách: 01 người

Hải Dương, ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trương Thị Hạ

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY T.N.H.H MỘT THÀNH VIÊN GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG

ĐINH XUÂN BÌNH

Mẫu số 5.1

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
CÔNG TY TNHH MTV GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH LAO ĐỘNG TUYỂN DỤNG TRƯỚC NGÀY 21 THÁNG 4 NĂM 1998 DÔI DƯ TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2019

Nhóm	Số TT	Họ và tên	Số thứ tự ở phụ lục 1	Ngày/ tháng/ năm sinh		Ngày/tháng /năm được tuyển lầncuối vào công ty	Thời gian làm việc thực tế tại công ty		Thời gian làm việc thực tế trong khu vực nhà nước trước đó (nếu có)		Thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội	
				Nam	Nữ		Số năm	Số tháng	Số năm	Số tháng	Số năm	Số tháng
(A)	*(B)*	*(C)*	*(D)*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
1. Nghỉ hưu trước tuổi	1	Phạm Văn Tạo	12	24/7/1961		01/04/1984	35	10	3	11	39	9
2. Đủ tuổi nghỉ hưu nhưng thiếu thờigian đóng	...											
3. Phải chấm dứt HĐLĐ	...											

Hải Dương, ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trương Thị Hạ

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY T.N.H.H MỘT THÀNH VIÊN GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG

Đinh Xuân Bình

Mẫu số 5.2

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
CÔNG TY TNHH MTV GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH LAO ĐỘNG TUYỂN DỤNG TỪ NGÀY 21 THÁNG 4 NĂM 1998 VỀ SAU DÔI DƯ TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2019

Số TT	Họ và tên	Số thứ tự ở phụ lục 1	Ngày/ tháng/ năm sinh		Ngày/tháng /năm được tuyển lần cuối	Thời gian làm việc thực tế tại công ty		Thời gian làm việc thực tế trong khu vực nhà nước trước đó (nếu có)		Thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội	
			Nam	Nữ		Số năm	Số tháng	Số năm	Số tháng	Số năm	Số tháng
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1											
2											

Hải Dương, ngày ..... tháng ..... năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trương Thị Hạ

GIÁM ĐỐC
(Ký, tên, đóng dấu)

CÔNG TY T.N.H.H MỘT THÀNH VIÊN GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG

ĐINH XUÂN BÌNH

Mẫu số 5.3

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
CÔNG TY TNHH MTV GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG

CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG DÔI DƯ NGHỈ HƯU TRƯỚC ĐỘ TUỔI QUY ĐỊNH TÍNH ĐẾN THỜI ĐIỂM 31/12/2019

Nhóm	Số TT	Họ và tên	Số thứ tự ở phụ lục 1	Ngày/tháng/ năm sinh		Thời gian đã đóng BHXH		Thời gian đã đóng BHXH làm tròn (năm)	Mức lương tháng bình quân của 05 năm cuối trước khi nghỉ việc *(đồng/ tháng)*	Số năm về hưu trước tuổi (năm)	Mức trợ cấp 03 tháng lương/ năm nghỉ hưu trước tuổi *(đồng)*	Mức hỗ trợ 01 tháng lương cơ sở/năm đóng BHXH *(đồng)*	Mức hỗ trợ 0,5 tháng lương cơ sở/năm đóng BHXH *(đồng)* *(áp dụng trong trường hợp II)*	Tổng tiền được nhận *(đồng)*	Nơi ở khi nghỉ hưu
				Nam	Nữ	Số năm	Số tháng								
(A)	*(B)*	*(C)*	*(D)*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*
1. Từ đủ 55 đến dưới 59 tuổi (nam), từ đủ 50 đến dưới 54 tuổi (nữ)	1	Phạm Văn Tạo	12	24/7/1961		39	9	40	6,336,960	1	19,010,880	59,600,000	x	78,610,880	Phường Cẩm Thượng, TP Hải Dương
2.Từ đủ 59 đến dưới 60 tuổi (nam), từ đủ 54 đến dưới 55 tuổi (nữ)									x	x	x	x			
Tổng	**1**													**78,610,880**	

Hải Dương, ngày ..... tháng ..... năm 2020

Hải Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trương Thị Hạ

THẨM ĐỊNH CỦA CHỦ SỞ HỮU
(Chức danh, kýtên,đóngdấu)

GIÁM ĐỐC CÔNG TY
(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG

ĐINH XUÂN BÌNH

Mẫu số 5.4

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
CÔNG TY TNHH MTV GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG

CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG DÔI DƯ ĐỦ TUỔI NGHỈ HƯU NHƯNG THIẾU THỜI GIAN ĐÓNG BẢO HIỂM XÃ HỘI ĐẾN THỜI ĐIỂM 31/12/2019

Số TT	Họ và tên	Số thứ tự ở phụ lục 1	Ngày/tháng năm sinh		Thời gian đã đóng BHXH		Số tháng còn thiếu chưa đóng BHXH	Tiền lương tháng làm căn cứ đóng BHXH *(đồng)*	Tổng số tiền đóng cho số tháng còn thiếu vào quỹ hưu trí, tử tuất *(đồng)*	Nơi ở khi nghỉ hưu
			Nam	Nữ	Năm	Tháng				
(A)	*(B)*	*(C)*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
1										
2										
3										
...										
....										
	Tổng	x	x	x	x	x		x		x

Hải Dương, ngày ..... tháng ..... năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trương Thị Hạ

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN BHXH
(Chức danh, ký tên,đóngdấu)

Hải Dương, ngày ..... tháng ..... năm 2020

THẨM ĐỊNH CỦA CHỦ SỞ HỮU
(Chức danh, ký tên,đóngdấu)

Hải Dương, ngày ..... tháng ..... năm 2020

GIÁM ĐỐC CÔNG TY
(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY T.N.H.H MỘT THÀNH VIÊN GIỐNG GIA SỨC HẢI DƯƠNG

ĐINH XUÂN BÌNH

Mẫu số 5.5

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
CÔNG TY TNHH MTV GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG

CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG TRƯỚC NGÀY 21 THÁNG 4 NĂM 1998 PHẢI NGHỈ VIỆC VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2019

Số TT	Họ và tên	Số thứ tự ở phụ lục 1	Ngày, tháng năm được tuyển lần cuối vào công ty	Thời gian làm việc thực tế trong khu vực nhà nước trước đó (nếu có)		Thời gian làm việc tại công ty		Tổng thời gian đã làm việc thực tế		Thời gian tham gia bảo hiểm thất nghiệp		Thời gian đã được công ty trả trợ cấp thôi		Thời gian làm việc để tính trợ cấp mất việc và		Thời gian làm việc để tính trợ cấp mất việc và hỗ trợ làm tròn (năm)	Tiền lương bình quân 06 tháng cuối trước khi nghỉ việc (đồng)	Trợ cấp mất việc làm (đồng)	Mức hỗ trợ theo tháng lương cơ sở cho mỗi năm làm việc	Tổng tiền trợ cấp, hỗ trợ được nhận (đồng)
				Năm	Tháng	Năm	Tháng	Năm	Tháng	Năm	Tháng	Năm	Tháng	Năm	Tháng					
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1																				
2																				
...																				
	Tổng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x					

Hải Dương, ngày ..... tháng ..... năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trương Thị Hạ

THẨM ĐỊNH CỦA CHỦ SỞ HỮU
(Chức danh, ký tên,đóngdấu)

Hải Dương, ngày ..... tháng ..... năm 2020

GIÁM ĐỐC CÔNG TY
(Ký tên, đóng dấu)

ĐINH XUÂN BÌNH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
CÔNG TY TNHH MTV GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG

Mẫu số 5.6

CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG TUYỂN DỤNG TỪ NGÀY 21 THÁNG 4 NĂM 1998 VỀ SAU PHẢI NGHỈ VIỆC VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2019

Số TT	Họ và tên	Số thứ tự ở phụ lục 1	Ngày, tháng năm được tuyển lần cuối vào công ty	Thời gian làm việc thực tế trong khu vực nhà nước trước đó (nếu có)		Thời gian làm việc tại công ty		Tổng thời gian đã làm việc thực tế		Thời gian tham gia bảo hiểm thất nghiệp		Thời gian đã được công ty trả trợ cấp thôi việc		Thời gian làm việc để tính trợ cấp mất việc		Thời gian làm việc để tính trợ cấp mất việc làm tròn	Tiền lương bình quân 06 tháng cuối trước khi nghỉ việc (đồng)	Tổng tiền trợ cấp mất việc làm (đồng)
				Năm	Tháng	Năm	Tháng	Năm	Tháng	Năm	Tháng	Năm	Tháng	Năm	Tháng			
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1																		
2																		
...																		
	Tổng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			

Hải Dương, ngày ..... tháng ..... năm 2020

Hải Dương, ngày 16 tháng 2 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trương Thị Hạ

THẨM ĐỊNH CỦA CHỦ SỞ HỮU
(Chức danh, ký tên,đóngdấu)

GIÁM ĐỐC CÔNG TY
(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY T.N.H.H MỘT THÀNH VIÊN GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG

ĐINH XUÂN BÌNH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
CÔNG TY TNHH MTV GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG

Mẫu số 6

CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG DÔI DƯ NGHỈ HƯU TRƯỚC ĐỘ TUỔI QUY ĐỊNH TÍNH ĐẾN THỜI ĐIỂM ...../2020

Số TT	Họ và tên	Số thứ tự ở phụ lục 1	Ngày/tháng/ năm sinh		Thời gian đã đóng BHXH		Thời gian đã đóng BHXH làm tròn (năm)	Mức lương tháng bình quân của 05 năm cuối trước khi nghỉ việc *(đồng/ tháng)*	Số năm về hưu trước tuổi (năm)	Mức trợ cấp 03 tháng lương/ năm nghỉ hưu trước tuổi *(đồng)*	Mức hỗ trợ 01 tháng lương cơ sở/năm đóng BHXH *(đồng)*	Mức hỗ trợ 0,5 tháng lương cơ sở/năm đóng BHXH *(đồng)* *(áp dụng trong trường hợp II)*	Tổng tiền được nhận *(đồng)*	Nơi ở khi nghỉ hưu
			Nam	Nữ	Số năm	Số tháng								
(B)	*(C)*	*(D)*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*
I.	**Từ đủ 55 đến dưới 59 tuổi (nam), từ đủ 50 đến dưới 54 tuổi (nữ)**													
1	Phạm Văn Tạo	12	24/7/1961		39	9	40	6,336,960	1	19,010,880	59,600,000		78,610,880	Phường Cẩm Thượng, TP Hải Dương
II.	**Từ đủ 59 đến dưới 60 tuổi (nam), từ đủ 54 đến dưới 55 tuổi (nữ)**													

Tổng số người theo danh sách: 01 người

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trương Thị Hà

Hải Dương, ngày tháng năm 2020
THẨM ĐỊNH CỦA CHỦ SỞ HỮU

Hải Dương, ngày 16 tháng 12 năm 2020
GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG
M.S.D.N: 0800211667 TP.HẢI DƯƠNG-T.HẢI DƯƠNG

ĐINH XUÂN BÌNH

Mẫu số 06

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
CÔNG TY TNHH MTV GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG
ĐỂ CHIA PHẦN CÒN LẠI SỐ DƯ BẰNG TIỀN QUỸ KHEN THƯỞNG

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Ngày, tháng, năm sinh		Chức danh, công việc đang làm	Đơn vị (phòng, ban, phân xưởng...)	Ngày, tháng, năm tuyển dụng lần cuối vào doanh nghiệp	Tổng thời gian đã làm việc tại doanh nghiệp tính đến thời điểm XĐGTDN		Thời gian tạm hoãn HĐLĐ và nghỉ việc không lương từ 14 ngày liên tục trở lên		Thời gian làm việc để tính chia quỹ khen thưởng (tháng tính tròn)	Ghi chú
			Nam	Nữ				Số tháng	Số ngày	Số tháng	Số ngày		
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

Tổng số người theo danh sách: 00 người

Hải Dương, ngày 26 tháng 12 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trương Thị Hạ

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY T.N.H.H MỘT THÀNH VIÊN GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG

ĐINH XUÂN BÌNH

Mẫu số 07

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
CÔNG TY TNHH MTV GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG, NGƯỜI QUẢN LÝ, KIỂM SOÁT VIÊN ĐỂ CHIA PHẦN CÒN LẠI SỐ DƯ BẰNG TIỀN QUỸ PHÚC LỢI

STT	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu mẫu số 1	Ngày, tháng, năm sinh		Chức danh, công việc đang làm	Đơn vị (phòng, ban, phân xưởng...)	Ngày, tháng, năm tuyển dụng lần cuối vào doanh nghiệp	Tổng thời gian đã làm việc tại doanh nghiệp tính đến thời điểm XĐGTDN		Thời gian tạm hoãn HĐLĐ và nghỉ việc không lương từ 14 ngày liên tục trở lên		Thời gian làm việc để tính chia quỹ phúc lợi (tháng tính tròn)	Ghi chú
			Nam	Nữ				Số tháng	Số ngày	Số tháng	Số ngày		
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
I. NGƯỜI LAO ĐỘNG													
II. NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP													
III. KIỂM SOÁT VIÊN LÀM VIỆC TẠI DOANH NGHIỆP													

Tổng số người theo danh sách: 00 người

Hải Dương, ngày 26 tháng 12 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trương Thị Hạ

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG

ĐINH XUÂN BÌNH

Mẫu số 8

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
CÔNG TY TNHH MTV GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG MUA CỔ PHẦN VỚI GIÁ ƯU ĐÃI (31/12/2018)

STT	Họ và tên	STT ở biểu mẫu số 1	Ngày tháng năm sinh		Ngày, tháng, năm tuyển dụng lần cuối vào doanh nghiệp	Làm việc tại doanh nghiệp					Làm việc tại khu vực nhà nước					Tổng thời gian để tính mua cổ phần với giá ưu đãi		Ghi chú
			Nam	Nữ		Tổng thời gian đã làm việc tại doanh nghiệp tính đến thời điểm XĐGTDN		Thời gian tạm hoãn HĐLĐ và nghỉ việc không lương từ 14 ngày liên tục trở lên		Thời gian tính mua cổ phần giá ưu đãi *(số tháng tính tròn)*	Tổng thời gian đã làm việc tại khu vực nhà nước		Thời gian đã đóng BHXH tại khu vực nhà nước		Thời gian tính mua cổ phần giá ưu đãi *(số tháng tính tròn)*	Tổng số tháng = (9+14)	Tổng số năm *(tính tròn)*	
						Số tháng	Số ngày	Số tháng	Số ngày		Số tháng	Số ngày	Số tháng	Số ngày				
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
I. NGƯỜI LAO ĐỘNG																		
1	Trương Minh Tuấn	3	10/10/1971		01/08/2000	221	0	1	0	220	95	0	95	0	95	315	26	
2	Đỗ Thị Nga	4		01/12/1965	01/08/1985	401	0	0	0	401	19	0	19	0	19	420	35	
3	Lê Thị Kim Tuyến	5		14/01/1975	01/01/1995	288	0	0	0	288	0	0	0	0	0	288	24	
4	Trần Thị Thơ	6		28/01/1974	01/01/1995	288	0	2	0	286	0	0	0	0	0	286	24	
5	Vũ Thị Thanh Hà	7		01/11/1983	01/01/2006	156	0	0	0	156	0	0	0	0	0	156	13	
6	Nguyễn Thị Bích Ngọ	8		11/05/1982	01/01/2003	192	0	1	0	191	0	0	0	0	0	191	16	
7	Nguyễn Thị Hảo	9		09/03/1982	01/01/2004	180	0	1	0	179	0	0	0	0	0	179	15	
8	Phạm Văn Quý	10	25/10/1975		01/03/1999	238	0	0	0	238	0	0	0	0	0	238	20	
9	Bùi Tố Nam	11	03/07/1971		01/01/1995	288	0	0	0	288	0	0	0	0	0	288	24	
10	Phạm Văn Tạo	12	24/07/1961		01/04/1984	417	0	0	0	417	48	0	48	0	48	465	39	
11	Nguyễn Thế Phương	13	31/01/1977		01/12/2004	169	0	0	0	169	0	0	0	0	0	169	14	
12	Nguyễn Mạnh Hà	14	06/06/1982		01/01/2006	156	0	0	0	156	0	0	0	0	0	156	13	
13	Phạm Văn Sao	15	30/09/1983		01/08/2007	137	0	1	0	136	0	0	0	0	0	136	11	
14	Phạm Văn Tuấn	16	20/08/1981		01/11/2009	110	0	0	0	110	0	0	0	0	0	110	9	
15	Vũ Thị Hường	17		30/01/1984	01/06/2009	115	0	0	0	115	0	0	0	0	0	115	10	
16	Hoàng Anh Tuấn	18	12/12/1977		01/05/2004	176	0	2	0	174	0	0	0	0	0	174	15	
17	Đinh Thị Tâm	19		23/03/1972	01/07/2009	114	0	1	0	113	0	0	0	0	0	113	9	
18	Bùi Thị Nguyệt	20		05/12/1989	01/04/2013	69	0	0	0	69	0	0	0	0	0	69	6	
19	Phạm Tuấn Phong	21	11/09/1992		01/06/2017	19	0	0	0	19	0	0	0	0	0	19	2	
20	Bùi Hoàng Anh	22	09/11/1994		01/07/2017	18	0	0	0	18	0	0	0	0	0	18	2	
21	Nguyễn Văn Khánh	3	23/08/1970		1/5/1993	308	0	0	0	308	0	0	0	0	0	308	26	
22	Nguyễn Quốc Tuấn	4	13/05/1962		1/1984	419	0	1	0	419	0	0	58	0	58	477	40	

23	Đinh Mạnh Hùng	5	02/08/1988		1/10/2017	15	0	0	0	15	0	0	0	0	0	15	1	
24	Phan Trọng Đuốc	6	22/08/1960		11/2013	62	0	0	0	62	0	0	0	0	0	62	5	
II. NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN CỦA DOANH NGHIỆP CHUYÊN TRÁCH TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC																		
III. NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP																		
25	Đinh Xuân Bình	1	28/10/1966		01/12/1989	349	0	0	0	349	4	0	4	0	4	353	29	
26	Trương Thị Hạ	2		09/01/1978	01/01/2004	180	0	0	0	180	0	0	0	0	0	180	15	

Tổng số người theo danh sách: 26 người

Hải Dương, ngày.....thán.....năm 2020

Hải Dương, ngày 27 tháng 02 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU	THẨM ĐỊNH CỦA CHỦ SỞ HỮU	GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên)		*(Ký tên, đóng dấu)*
Trương Thị Hạ		ĐINH XUÂN BÌNH

CÔNG TY T.N.H.H MỘT THÀNH VIÊN GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG

Mẫu số 9

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
CÔNG TY TNHH MTV GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHO HỘ GIA ĐÌNH NHẬN KHOÁN MUA CỔ PHẦN VỚI GIÁ ƯU ĐÃI

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Ngày, tháng, năm bắt đầu nhận khoán theo Hợp đồng hiện tại	Hợp đồng nhận khoán hiện tại					Hợp đồng nhận khoán trước đây					Tổng thời gian để tính mua cổ phần với giá ưu đãi		Ghi chú
		Nam	Nữ		Hợp đồng nhận khoán		Tổng thời gian đã thực hiện hợp đồng đến thời điểm XĐGTDN		Thời gian đã thực hiện hợp đồng đến thời điểm XĐGTDN *(số tháng tính tròn)*	Thời gian đã thực hiện theo Hợp đồng thứ nhất		Thời gian đã thực hiện theo Hợp đồng thứ hai		Tổng thời gian đã thực hiện các Hợp đồng *(số tháng tính tròn)*	Tổng số tháng = (8+13)	Tổng số năm *(tính tròn)*	
					Số Hợp đồng	Ngày ký	Số tháng	Số ngày		Số tháng	Số ngày	Số tháng	Số ngày				
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)

Tổng số người theo danh sách: 00 người

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trương Thị Hạ

Hải Dương, Ngày 14 tháng 2 năm 2020
GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY T.N.H.H MỘT THÀNH VIÊN GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG

ĐINH XUÂN BÌNH

Mẫu số 10

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
CÔNG TY TNHH MTV GIỐNG GIA SÚC HD

DANH SÁCH LAO ĐỘNG TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP MUA CỔ PHẦN THEO THỜI GIAN LÀM VIỆC THỰC TẾ TẠI KHU VỰC NHÀ NƯỚC
(CĂN CỨ VÀO HỒ SƠ ĐĂNG KÝ)

STT	Họ và tên	STT ở biểu mẫu số 1	Ngày, tháng, năm sinh		Chức danh/công việc đang làm	Tổng thời gian làm việc tại khu vực nhà nước (làm tròn)	Số cổ phần được mua theo thời gian làm việc trong KVNN	Ký tên
			Nam	Nữ				
1	Đinh Xuân Bình	1	28/10/1966		Giám đốc	29	2,900	
2	Trương Thị Hạ	2		09/01/1978	Kiểm soát viên	15	1,500	
3	Trương Minh Tuấn	3	10/10/1971		Phó phòng hành chính	26	2,600	
4	Đỗ Thị Nga	4		01/12/1965	Công nhân kỹ thuật	35	3,500	
5	Lê Thị Kim Tuyến	5		14/01/1975	Công nhân chăn lợn	24	2,400	
6	Trần Thị Thơ	6		28/01/1974	Công nhân chăn lợn	24	2,400	
7	Vũ Thị Thanh Hà	7		01/11/1983	Công nhân chăn lợn	13	1,300	
8	Nguyễn Thị Bích Ngọc	8		11/05/1982	Công nhân chăn lợn	16	1,600	
9	Nguyễn Thị Hảo	9		09/03/1982	Công nhân chăn lợn	15	1,500	
10	Phạm Văn Quý	10	25/10/1975		Bác sỹ thú y - TPKD	20	2,000	
11	Bùi Tố Nam	11	03/07/1971		Công nhân kỹ thuật	24	2,400	
12	Phạm Văn Tạo	12	24/07/1961		Công nhân kỹ thuật	39	3,900	
13	Nguyễn Thế Phương	13	31/01/1977		Công nhân kỹ thuật	14	1,400	
14	Nguyễn Mạnh Hà	14	06/06/1982		Công nhân kỹ thuật	13	1,300	
15	Phạm Văn Sao	15	30/09/1983		Công nhân kỹ thuật	11	1,100	
16	Phạm Văn Tuấn	16	20/08/1981		Công nhân kỹ thuật	9	900	
17	Vũ Thị Hường	17		30/01/1984	Bác sỹ thú y	10	1,000	
18	Hoàng Anh Tuấn	18	12/12/1977		Bác sỹ thú y	15	1,500	
19	Đinh Thị Tâm	19		23/03/1972	Kế toán	9	900	
20	Bùi Thị Nguyệt	20		05/12/1989	Kế toán	6	600	
21	Phạm Tuấn Phong	21	11/09/1992		Kế toán	2	200	
22	Bùi Hoàng Anh	22	09/11/1994		Bảo vệ	2	200	
	Tổng cộng					**371**	**37,100**	

Tổng số người theo danh sách: 22 người

Hải Dương, ngày 19 tháng 02 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trương Thị Hạ

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY T.N.H.H MỘT THÀNH VIÊN GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG
M.S.D.N: 0800011667 - C.T.T.N.H.H
TP.HẢI DƯƠNG-T.HẢI DƯƠNG

Đinh Xuân Bình

Mẫu số 10

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
CÔNG TY TNHH MTV GIỐNG GIA SÚC HD

DANH SÁCH LAO ĐỘNG TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP MUA CỔ PHẦN THEO THỜI GIAN LÀM VIỆC THỰC TẾ TẠI KHU VỰC NHÀ NƯỚC
(CĂN CỨ VÀO HỒ SƠ ĐĂNG KÝ)

STT	Họ và tên	STT ở biểu mẫu số 1	Ngày, tháng, năm sinh		Chức danh/công việc đang làm	Tổng thời gian làm việc tại khu vực nhà nước (làm tròn)	Số cổ phần được mua theo thời gian làm việc trong KVNN	Ký tên
			Nam	Nữ				
1	Nguyễn Văn Khánh	1	23/08/1970		Công nhân kỹ thuật	26	2,600	
2	Nguyễn Quốc Tuấn	2	13/05/1962		Công nhân kỹ thuật	40	4,000	
3	Đinh mạnh Hùng	3	02/08/1988		Công nhân kỹ thuật	1	100	
4	Phan Trọng Đuốc	4	22/08/1960		Bảo vệ	5	500	
	Tổng cộng					72	7,200	

Tổng số người theo danh sách: 4 người

Hải Dương, ngày 24 tháng 02 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trương Thị Hạ

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY T.N.H.H MỘT THÀNH VIÊN GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG
M.S.D.N: 0800011667
TP.HẢI DƯƠNG-T.HẢI DƯƠNG

Đinh Xuân Bình

Mẫu số 12

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
CÔNG TY TNHH MTV GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐƯỢC TUYỂN DỤNG VÀO CÔNG TY SAU THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP (NGÀY 31/12/2018) CHUYỂN SANG LÀM VIỆC TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Thời điểm được tuyển dụng vào công ty	Trình độ chuyên môn/ bậc thợ	Chức danh/công việc đang làm	Chức danh/công việc dự kiến sau sắp xếp lại
		Nam	Nữ				

Tổng số người theo danh sách: 00 người

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưpng Thị Hạ

Hải Dương, Ngày 16 tháng 4 năm 2020
GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Đinh Xuân Bình

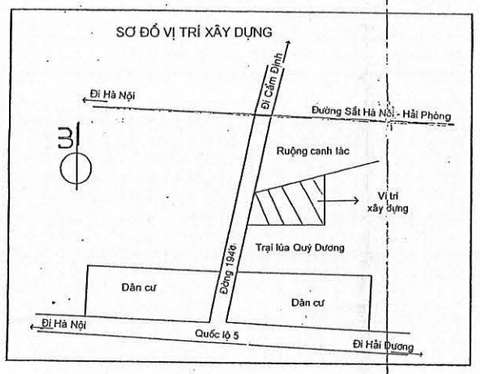

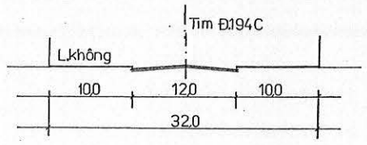

MAT CAT 1_1

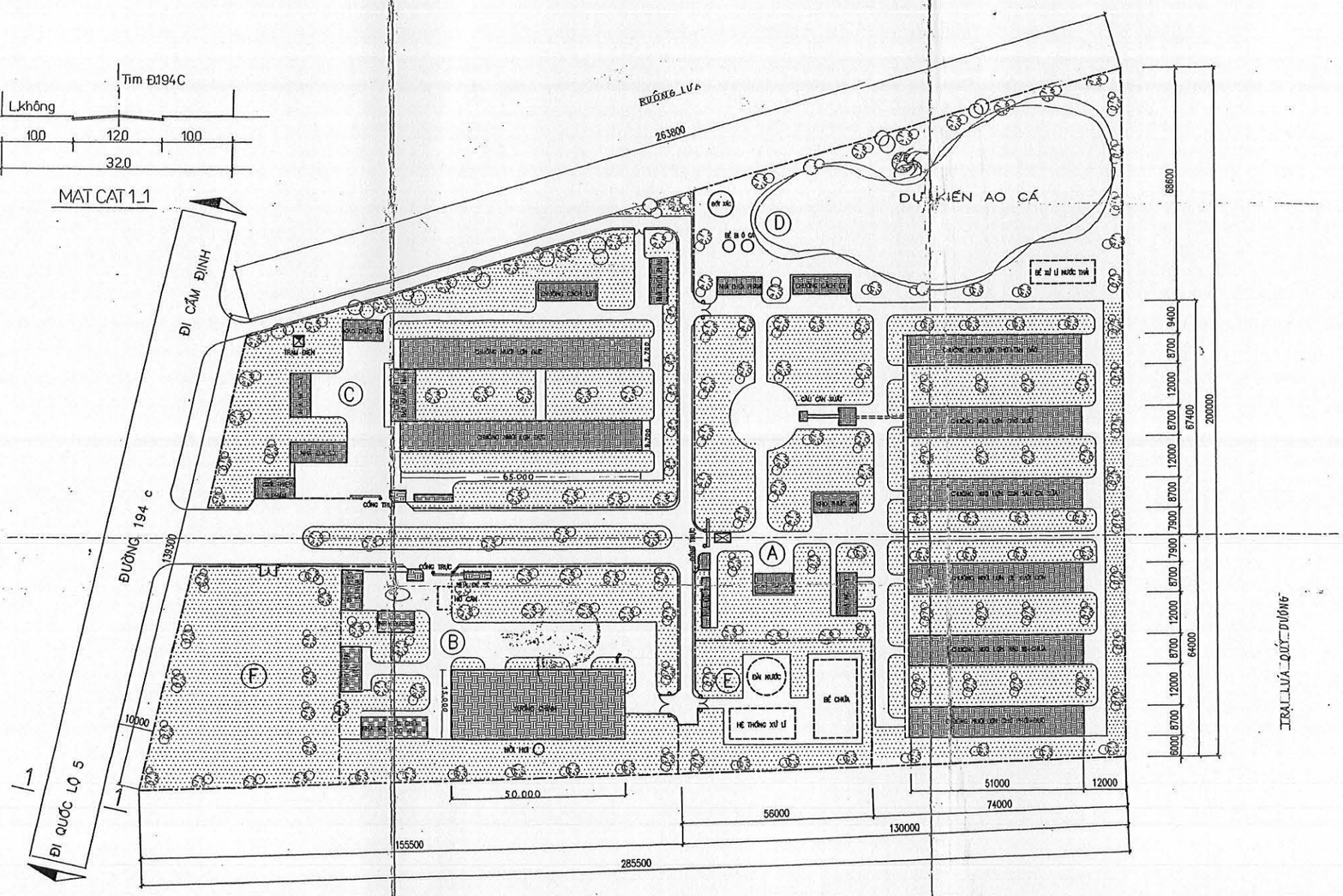

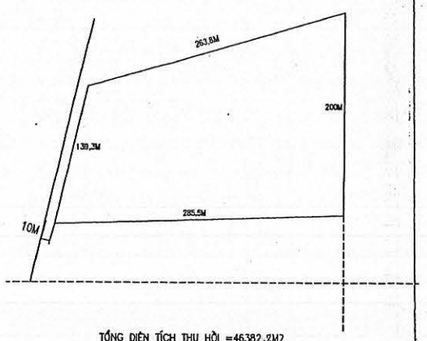

TỔNG DIỆN TÍCH THU HỒI =46382,2M2
DIỆN TÍCH XÂY DỰNG =43702,2M2
DIỆN TÍCH HÀNH LANG G.T =1446M2
DIỆN TÍCH HÀNH LANG ĐIỆN 35KW =1234M2

QUI HOẠCH MẶT BẰNG TỔNG THỂ

TRẠI LỢN GIỐNG NGOẠI ÔNG BÀ 200 CON NÁI

T.L 1:500

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG XÃ TÂN TRƯỜNG VÀ CẨM ĐỊNH-CẨM GIÀNG-HẢI DƯƠNG

B
T D
N

GHI CHÚ

KHU (A) – TRẠI LỢN GIỐNG NGOẠI ÔNG BÀ	D.T =	15397M2
KHU (B) – XƯỞNG CHẾ BIẾN THỨC ĂN GIA SÚC	D.T =	6421M2
KHU (C) – TRẠI LỢN ĐỰC	D.T =	10611M2
KHU (D) – KHU XỬ LÍ MÔI TRƯỜNG+HÀNH LANG ĐIỆN	D.T =	6010M2
KHU (E) – KHU CẤP NƯỚC SẠCH	D.T =	2050M2
KHU (F) – DỰ KIẾN KHU ĐIỀU HÀNH TRUNG TÂM	D.T =	4447,2M2
– HÀNH LANG GIAO THÔNG	D.T =	1446M2
	TỔNG D.T =	46382,2M2

- CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC
- CÔNG TRÌNH NGẦM-KHÔNG CÓ MÁI CHE
- SÂN ĐƯỜNG CÓ ĐẦU TƯ (CẢ 3 KHU)
- TƯỜNG RÀO BẢO VỆ
- RANH GIỚI KHU ĐẤT ĐƯỢC CẤP
- ĐƯỜNG DẪN LỢN

CHỦ ĐẦU TƯ
GIÁM ĐỐC
PHẠM NGUYỄN NGỌC THẮNG

U.B.N.D.TỈNH HẢI DƯƠNG	SỞ XÂY DỰNG HẢI DƯƠNG	SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT HẢI DƯƠNG	U.B.N.D.HUYỆN CẨM GIÀNG	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ THIẾT KẾ & X.D SÔNG ĐÀ	T.T GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG TRẠI LỢN GIỐNG NGOẠI ÔNG BÀ 200 CON NÁI			HỢP ĐỒNG SỐ
					QUI HOẠCH MẶT BẰNG TỔNG THỂ			BẢN VẼ SỐ 01
				GIÁM ĐỐC	C.N.D.A	CHỦ TRÌ	THIẾT KẾ	KIỂM TRA
PHÓ CHỦ TỊCH HOÀNG - ĐÌNH	GIÁM ĐỐC SỞ NGUYỄN TIẾN HÒA	GIÁM ĐỐC TẠNG MINH LỘC	PHÓ CHỦ TỊCH TRẦN QUA GIỚI	TRẦN QUỐC BIỂU	TRẦN QUỐC BIỂU	NGUYỄN-T-LAN	NGUYỄN-T-BÌNH	NGUYỄN-V-HẢI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

HỒ SƠ QUY HOẠCH CHI TIẾT

TRỤ SỞ LÀM VIỆC TRUNG TÂM GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG

P.D.C

TEL : 0320.853.802
FAX : 0320.857.971

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG : XÃ TỨ MINH - TP. HẢI DƯƠNG - HẢI DƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ : TRUNG TÂM GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG

CƠ QUAN THIẾT KẾ : CÔNG TY TƯ VẤN QUY HOẠCH VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG - HẢI DƯƠNG

GIỮ BẢN QUYỀN

CÔNG TY CP TVQH & TKXD HD

HẢI DƯƠNG, 5 - 2007

MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG- TỶ LỆ 1/200

TRẠI GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG

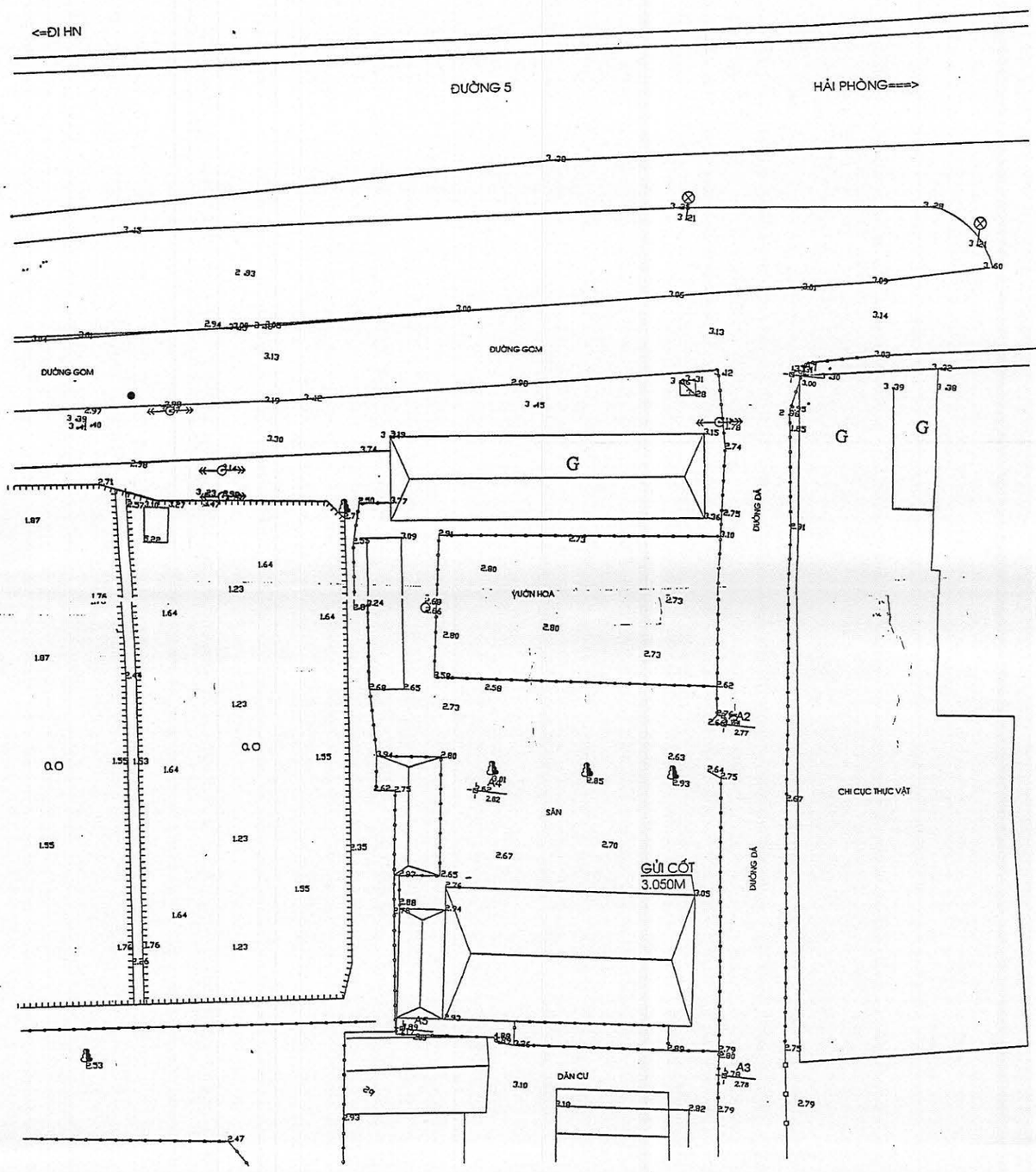

GHI CHÚ:
-CAO ĐỘ GỬI TẠI NỀN 3.050M
-HƯỚNG BẮC THEO LA BÀN

SỞ XÂY DỰNG HẢI DƯƠNG C.TY CP TƯ VẤN QUY HOẠCH & THIẾT KẾ XÂY DỰNG HẢI DƯƠNG	MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG- TỶ LỆ 1/200 TRẠI GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG		ĐO 5/2007 BV:01 DT:0.7HA
GIÁM ĐỐC NGUYỄN DUY LỊCH	CHỦ TRÌ	NGÔ VĂN TRUNG	KCS
	ĐO	NGUYỄN HUY HIỆP	C.TY CP TƯ VẤN QHX&TKXD HD GIÁM ĐỐC NGUYỄN DUY LỊCH
	VẼ	NGUYỄN VĂN ĐÌNH	NGUYỄN V ĐÌNH

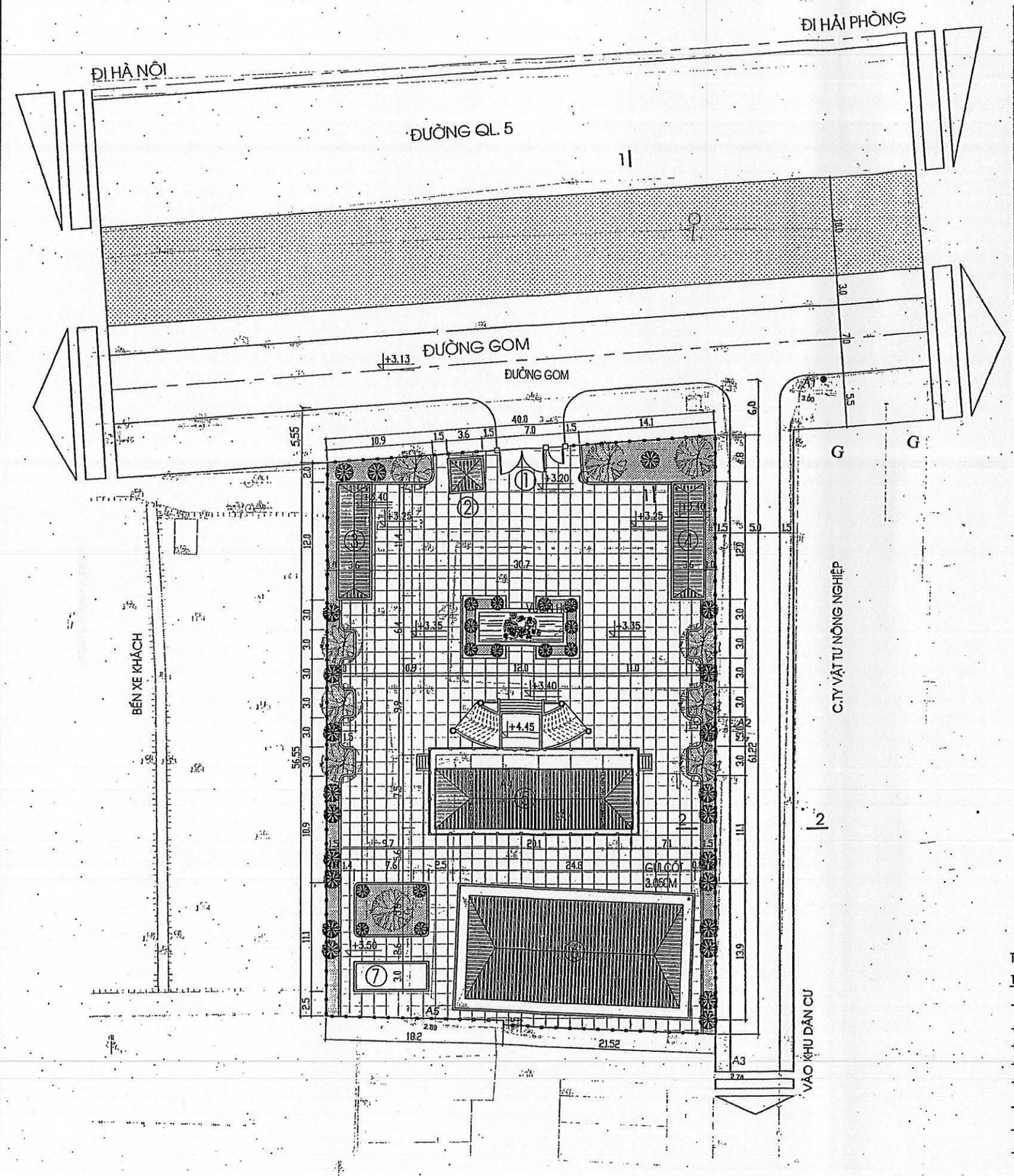

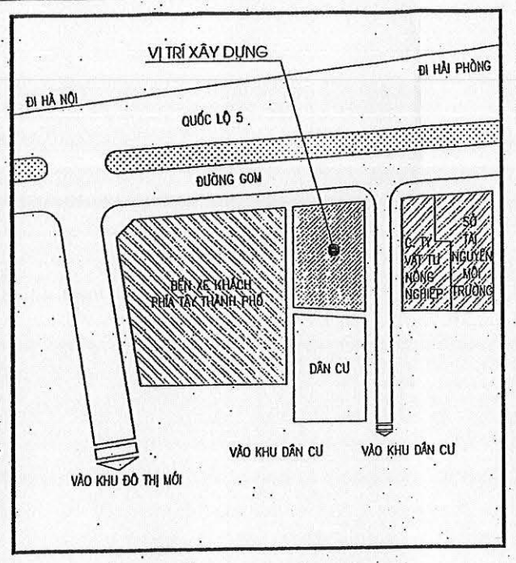

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ XÂY DỰNG

GHI CHÚ:

1. CỔNG
2. NHÀ THƯỜNG TRỰC
3. NHÀ XE NHÂN VIÊN
4. GARA ÔTÔ + NHÀ XE CHO KHÁCH
5. NHÀ LÀM VIỆC 3 TẦNG XÂY MỚI
6. NHÀ LÀM VIỆC HIỆN CÓ
7. NHÀ VỆ SINH

CÔNG TRÌNH XD

TƯỜNG RÀO

SÂN BÊ TÔNG

CÂY XANH

- CỐT GHI TRÊN CÔNG TRÌNH LÀ CỐT NỀN CÔNG TRÌNH

NHỮNG CHỈ TIÊU QUY HOẠCH CHÍNH:

TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT QUY HOẠCH	2.341,4 M2
TRONG ĐÓ:	
- DIỆN TÍCH ĐẤT XIN CẤP	2.341,4 M2
+ DIỆN TÍCH TRỒNG CỎ + CÂY XANH	427,7 M2
+ DIỆN TÍCH SÂN ĐƯỜNG	1.296,0 M2
+ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG	617,7 M2
+ DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG	1.001,7 M2
- MẬT ĐỘ XÂY DỰNG	25,9 %
- TẦNG CAO TRUNG BÌNH	0,2
- HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT	0,42

B

GHI CHÚ

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1233 ... THÁNG ... NĂM 2007

CHỦ TỊCH
NGUYỄN ĐỨC THẮM

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH HỒI CHỨNG
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ 2 ... THÁNG ... NĂM 2007

TRƯỞNG PHÒNG
BÙI QUANG MINH

CƠ QUAN THỎA THUẬN:
UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ TỨ MINH - TP. HẢI DƯƠNG
KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ ... THÁNG ... NĂM

CHỦ TỊCH
ĐỖ VĂN HOÁ

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG TÂM GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ ... NGÀY ... THÁNG ... NĂM

GIÁM ĐỐC
NGUYỄN NGỌC THÁI

TRUNG TÂM GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG

BẢN VẼ: QH-	GHÉP:	TỶ LỆ: 1 /400	HT 07/2007
THIẾT KẾ	HOÀNG THANH TÙNG		
THỂ HIỆN	HOÀNG THANH TÙNG		
KỸ THUẬT	ĐINH QUANG KIÊN		
CHỦ TRÌ	VƯƠNG TRẮC		
KCS	PHẠM KHẮC MINH		

GIÁM ĐỐC
VƯƠNG TRẮC

SỞ XÂY DỰNG HẢI DƯƠNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN QUY HOẠCH VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG HẢI DƯƠNG
ĐỊA CHỈ: SỐ 1 ĐƯỜNG THANH NIÊN - TP HẢI DƯƠNG TEL: 0320 551502 FAX: 0320 857591

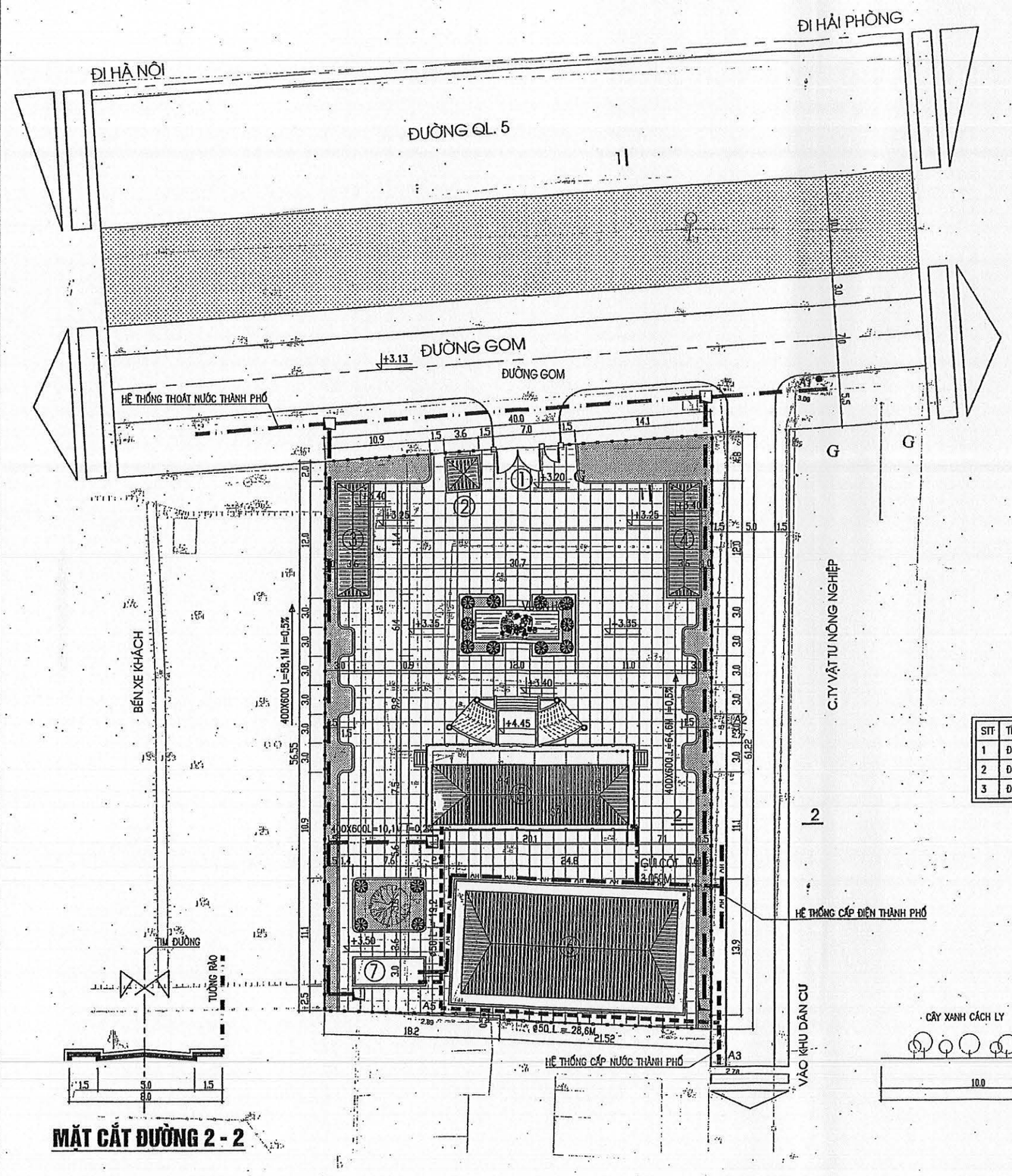

MẶT CẮT ĐƯỜNG 2 - 2

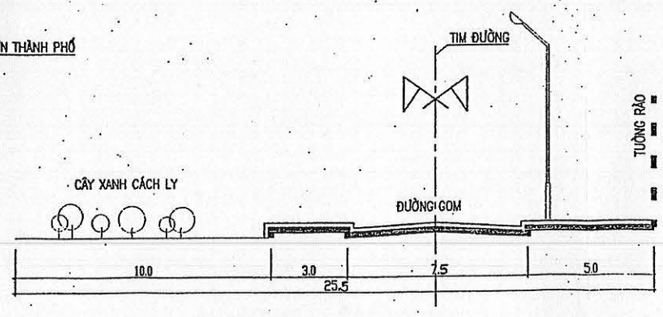

MẶT CẮT ĐƯỜNG 1 - 1

GHI CHÚ:

1. CỔNG
2. NHÀ THƯỜNG TRỰC
3. NHÀ XE NHÂN VIÊN
4. GARA ÔTÔ + NHÀ XE CHO KHÁCH
5. NHÀ LÀM VIỆC 3 TẦNG XÂY MỚI
6. NHÀ LÀM VIỆC HIỆN CÓ
7. NHÀ VỆ SINH

CỘNG TRÌNH XD

TƯỜNG RÀO

SÂN BÊ TÔNG

CÂY XANH

CỐNG THOÁT NƯỚC THẢI 400X600

HỐ GA

ĐƯỜNG CÁP CẤP ĐIỆN

ĐƯỜNG CẤP NƯỚC SINH HOẠT Ø50

- CỐT GHI TRÊN CÔNG TRÌNH LÀ CỐT NỀN CÔNG TRÌNH

BẢNG THỐNG KÊ VẬT LIỆU

STT	TÊN	CHỦNG LOẠI	CHIỀU DÀI (M)
1	ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC SINH HOẠT	ỐNG KẼM Ø50	47,8
2	ĐƯỜNG CỐNG THOÁT NƯỚC THẢI	RÃNH XÂY GẠCH 400X600	132.8
3	ĐƯỜNG DÂY ĐIỆN	CÁP CU/XLPE/PVC 2X10	47,3

B

GHI CHÚ

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1225 NGÀY 26 THÁNG 7 NĂM 2007

CHỦ TỊCH
NGUYỄN ĐỨC THẮM

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH CHỦ ĐẦU TƯ:
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ ... NGÀY ... THÁNG ... NĂM 2007

TRƯỞNG PHÒNG
BÙI QUANG MINH

CƠ QUAN THỎA THUẬN:
UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ TỨ MINH - TP. HẢI DƯƠNG
KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ ... NGÀY ... THÁNG ... NĂM ...

CHỦ TỊCH
ĐỖ VĂN HOÁ

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG TÂM GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ ... NGÀY ... THÁNG ... NĂM ...

GIÁM ĐỐC
NGUYỄN NGỌC THẮT

TRUNG TÂM GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG QUY HOẠCH HỆ THỐNG KỸ THUẬT

BẢN VẼ: QH-	GHÉP:	TỶ LỆ: 1 /400	HT 07/2007
THIẾT KẾ	HOÀNG THANH TÙNG		
THỂ HIỆN	HOÀNG THANH TÙNG		
KỸ THUẬT	ĐINH QUANG KIỆN		
CHỦ TRÌ	VƯƠNG TRẮC		
KCS	PHẠM KHẮC MINH		
GIÁM ĐỐC			
VƯƠNG TRẮC			

SỞ XÂY DỰNG HẢI DƯƠNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN QUY HOẠCH
VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG HẢI DƯƠNG
ĐỊA CHỈ: SỐ 1 ĐƯỜNG THANH NIÊN - TP HẢI DƯƠNG TEL: 0320 553502 FAX: 0320 857871